

Số: 23/KH-MNVX

Vũ Xá, ngày 25 tháng 8 năm 2023

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC: 2023- 2024

Căn cứ văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 1660/QĐ-UBND, ngày 08/8/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên quyết định ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ kết quả chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhà trường năm học 2022-2023; Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, của địa phương (cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và trẻ). Trường Mầm non Vũ Xá xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023-2024 như sau:

PHẦN I

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH TRƯỜNG

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Bối cảnh năm học 2023-2024

- Trường Mầm non Vũ Xá có 2 điểm trường, điểm trường trung tâm được đặt ở thôn Cao Xá, xã Vũ Xá giữa khu trung tâm của xã, một điểm trường được đặt ở thôn Cộng Cũ xã Vũ Xá, cả 2 điểm trường đều gần đường giao thông đi lại thuận tiện, xã có truyền thống hiếu học, người dân và phụ huynh chủ yếu trồng trọt và đi làm công nhân tại các khu công nghiệp lân cận.

- Cảnh quan môi trường sư phạm tốt, sân trường có số cây xanh phù hợp tạo cảnh quan xanh – sạch – đẹp – an toàn

2. Thuận lợi, khó khăn

a) Thuận lợi:

- Nhà trường được sự quan tâm của lãnh đạo Phòng GD&ĐT huyện Kim Động và lãnh đạo Đảng, chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể luôn quan tâm tới công tác giáo dục mầm non.

Nhà trường có đầy đủ phòng học cho trẻ sạch sẽ, gọn gàng, có bếp ăn bán trú đảm bảo quy trình 1 chiều, sạch sẽ, vệ sinh, ngăn nắp, có đầy đủ đồ dùng của nhà bếp.

Trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trẻ chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, mọi nội quy quy chế của nhà trường, luôn đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác quản lý và điều hành, nhiệt tình sáng tạo trong giảng dạy, luôn đi đầu trong mọi lĩnh vực, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau khiêm tốn, học hỏi để nâng cao trình độ về mọi mặt.

Có nhiều phụ huynh trong trường đã nhận thức rõ về tầm quan trọng của công tác CS&GD cho trẻ MN, nên đã rất quan tâm và ủng hộ về mọi mặt cho nhà trường.

Trẻ ngoan có nề nếp, thích được đến trường, lớp, biết đoàn kết giúp đỡ bạn bè, có ý thức phấn đấu và hăng hái phát biểu xây dựng bài.

Công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên được chú trọng. Chất lượng thực hiện chương trình và thực hiện các chuyên đề trọng tâm trong năm học đã được cải tiến cả về nội dung và hình thức tổ chức.

Công bằng trong giáo dục, dân chủ trong nhà trường được thực hiện ngày một tốt hơn. Công tác thi đua khen thưởng thực sự là động lực thúc đẩy phong trào thi đua dạy tốt trong nhà trường.

Công tác làm đồ dùng đồ chơi phục vụ cho các hoạt động của trẻ và phục vụ cho các chuyên đề ngày càng được giáo viên tham gia tích cực và sáng tạo, tăng thêm cơ sở vật chất trường học, tránh lãng phí và cải tạo môi trường.

Giáo viên đã có những đổi mới tích cực trong việc áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, đặc biệt tiếp cận với các phương pháp dạy học tiên tiến Steam.

b) Khó khăn:

- Nhà trường còn thiếu một số phòng chức năng, như phòng âm nhạc, tin học, giáo dục thể chất, một số đồ dùng chưa đồng bộ.

- Một số ít giáo viên còn nhiều hạn chế trong việc UDCNTT nên chưa đáp ứng được nhu cầu đổi mới cũng như tình hình thực tế hiện nay.

- Nhà trường thiếu nhân viên Y tế, văn thư, nhân viên nấu ăn 100% hợp đồng công việc.

3. Quy mô phát triển giáo dục

Tổng số lớp: 10 nhóm, lớp; số trẻ: 244, trong đó:

- Khối mẫu giáo 5 tuổi: 3 lớp: 60 trẻ

- Khối mẫu giáo 4 tuổi: 3 lớp: 73 trẻ

- Khối mẫu giáo 3 tuổi: 2 lớp: 61 trẻ

- Khối nhà trẻ: 2 nhóm: 50 trẻ

4. Cơ sở vật chất, kỹ thuật

- Tổng số phòng học: 10 phòng kiên cố.

- Nhà trường có các phòng chức năng theo quy định (Phòng hội trường, phòng y tế - kế toán phòng Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng...)

- Bếp ăn 50m², có đủ các thiết bị cần thiết trong chăm sóc nuôi dưỡng trẻ.

- Các phòng học được trang bị các danh mục thiết bị đồ dùng, đồ chơi tương đối đầy đủ theo quy định.

5. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

* **Tổng số: 17 đ/c, trong đó:**

- Ban giám hiệu: 03 đ/c trong đó: Trình độ Đại học; 3 đ/c

- Giáo viên: 14 đ/c trong đó: Trình độ Đại học: 13/14 đ/c đạt 95%, Trình độ Cao đẳng: 1/14 đ/c còn 5%;

- Nhân viên nấu ăn: 2 đ/c; NV bảo vệ: 01.

- Đội ngũ CBGVNV nhiệt tình, đoàn kết, chuyên môn vững vàng, trình độ chuẩn và trên chuẩn đạt cao, đủ điều kiện phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

6. Cơ cấu tổ chuyên môn:

Số tổ chuyên môn và tổ văn phòng: 3 tổ (02 tổ CM và 01 tổ văn phòng).

+ Tổ 1: Nhà trẻ 24 – 36 tháng tuổi

+ Tổ 2: Mẫu giáo

+ Tổ 3: Tổ văn phòng

II. MỤC TIÊU CHUNG

Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

Thực hiện chủ đề năm học “ **Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm**” gắn kết với việc nâng cao chất lượng thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021 – 2025”

Đẩy mạnh phát triển chương trình GDMN phù hợp với điều kiện của địa phương, của nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ. Tiếp tục thực hiện các Chuyên đề, Chương trình đổi mới, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em

III. MỤC TIÊU CHUNG CỤ THỂ

Nhằm nâng cao chất lượng giáo dục được quy định tại Chương trình giáo dục hiện hành và đạt mục tiêu giáo dục toàn diện, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục; đáp ứng nhu cầu hứng thú của trẻ và đảm bảo công bằng, bình đẳng, tôn trọng trẻ; đề cao sự tham gia, liên kết chặt chẽ và phối hợp hiệu quả của cha mẹ trẻ, xã hội, cộng đồng phù hợp với bối cảnh địa phương và của nhà trường.

Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học lấy trẻ làm trung tâm phát huy, khích lệ được tính chủ động sáng tạo của trẻ, tăng cường rèn kỹ năng sống cho trẻ, kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề trong thực tiễn. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức các hoạt động cho trẻ tạo cơ hội cho giáo viên phát huy tính chủ động sáng tạo trong tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm cho trẻ.

Nâng cao năng lực cho giáo viên tích cực tiếp cận các phương pháp dạy học tiên tiến đặc biệt tiếp cận với các phương pháp dạy học tiên tiến Steam

Đổi mới, nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác quản lý, tạo điều kiện cho các tổ chuyên môn, giáo viên được chủ động cụ thể hóa các Mục tiêu - Nội dung chương

trình giáo dục Mầm non phù hợp với văn hóa của địa phương, điều kiện của nhà trường, nhóm lớp và khả năng, nhu cầu của trẻ.

Thực hiện công tác cho trẻ tiếp cận dần với tiếng Anh, chuyển đổi công nghệ số và giáo dục giới phù hợp độ tuổi. Giúp trẻ đáp ứng sự phát triển của xã hội hiện nay và biết bảo vệ bản thân, có ý thức trong định kiến giới.

Nhằm giúp cho cán bộ quản lý nhà trường có định hướng, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh hoạt động chuyên môn của nhà trường cuối mỗi học kỳ và cuối năm học.

Làm cơ sở để cán bộ quản lý nhà trường theo dõi quản lý việc thực hiện chương trình giáo dục nhà trường đã xây dựng. Để có những điều chỉnh, hoàn thiện tiếp theo.

PHẦN II

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRẺ

A. MỤC TIÊU

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 24 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhẹn nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen

thuộc.

III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời

nói.

- Hồn nhiên trong giao tiếp.

IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích

nghe đọc thơ, kể chuyện...

B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

I. PHÂN PHỐI THỜI GIAN

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong trường mầm non Ngọc Thanh. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của nhà trường.

+ Học kỳ I bắt đầu từ ngày 06/9/2023, kết thúc trước ngày 15/01/2024

+ Hoàn thành chương trình giáo dục học kỳ II trước ngày 25/5/2024; kết thúc năm học trước ngày 31/5/2024.

- Quy định số tuần học:

+ Nhà trường xây dựng 35 tuần thực học (học kỳ I: 18 tuần, học kỳ II: 17 tuần).

Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lý ở nhà trường nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp

trẻ hình thành những nền nếp, thói quen tốt và thích nghi với cuộc sống ở nhà trẻ.

Chế độ sinh hoạt cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi

- Ăn 01 bữa chính và 1 bữa chiều phụ.

- Ngủ: 1 giấc trưa.

Chế độ sinh hoạt cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi

| Thời gian | Hoạt động |
|------------------|------------------|
| 50 - 60 phút | Đón trẻ |
| 110 - 120 phút | Chơi - Tập |
| 50 - 60 phút | Ăn chính |
| 140 - 150 phút | Ngủ |
| 20 - 30 phút | Ăn phụ |
| 50 - 60 phút | Chơi - Tập |
| 50 - 60 phút | Ăn chính |
| 50 - 60 phút | Chơi/Trả trẻ |

C. NỘI DUNG

I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi

| Nhóm tuổi | Chế độ ăn | Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ | Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ ngày/trẻ (chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày) |
|------------------|------------------|--|---|
| 24 - 36 tháng | Cơm thường | 930 - 1000 Kcal | 600 - 651 Kcal |

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:*

Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 35% đến 40% năng lượng cả ngày.

Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày.

+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi:

- Trẻ từ 3 đến 12 tháng ngủ 3 giấc, mỗi giấc khoảng 90 - 120 phút.

- Trẻ từ 12 đến 18 tháng ngủ 2 giấc, mỗi giấc khoảng 90 - 120 phút.

- Trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ 1 năm 2 lần; cân, đo hàng tháng, hàng quý. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

II. GIÁO DỤC

1. Giáo dục phát triển thể chất

a) Phát triển vận động

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.

- Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.

- Các cử động bàn tay, ngón tay.

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.

- Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe.
- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.

2. Giáo dục phát triển nhận thức

a) Luyện tập và phối hợp các giác quan

Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác.

b) Nhận biết

- Một số bộ phận cơ thể của con người.
- Một số đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông quen thuộc với trẻ.
- Một số con vật, hoa, quả quen thuộc với trẻ.
- Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian so với bản thân trẻ.

- Bản thân và những người gần gũi.

3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

a) Nghe

- Nghe các giọng nói khác nhau.
- Nghe, hiểu các từ và câu chỉ đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc và một số loại câu hỏi đơn giản.
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao có nội dung phù hợp với độ tuổi.

b) Nói

- Phát âm các âm khác nhau.
- Trả lời và đặt một số câu hỏi đơn giản.
- Thể hiện nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói.

c) Làm quen với sách

- Mở sách, xem và gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh.

4. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

a) Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân.
- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc.

b) Phát triển kỹ năng xã hội

- Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.

- Hành vi văn hóa và thực hiện các quy định đơn giản trong giao tiếp, sinh hoạt.

c) Phát triển cảm xúc thẩm mỹ

- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc.

- Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh.

5. Trẻ tiếp cận với chuyển đổi số

*** Trẻ có khả năng khi được tiếp cận với chuyển đổi số**

- Có khả năng tắt, mở máy tính, ti vi, điện thoại...

- Có khả năng thao tác 1 số hoạt động trên bảng tương tác.

*** Nội dung thực hiện**

| Lĩnh vực | Kỹ năng cần hình thành phát triển ở trẻ | Công cụ công nghệ được sử dụng | Thiết kế nội dung theo tiếp cận công nghệ |
|-------------------------------|---|--|---|
| Lĩnh vực phát triển thể chất | Phát triển vận động tinh, trẻ nhận biết và hình thành kỹ năng di chuyển cử động cổ tay, ngón tay để thực hiện thao tác di, ấn chuột, tương tác qua các bảng tương tác thông minh, màn hình hiển thị | Nền tảng số, phần mềm, bảng tương tác thông minh, màn hình hiển thị cầm tay (laptop/ ipad/ Smartphone) | Đánh dấu , tô màu, kéo thả, trò chơi vận động, chụp ảnh, xem video clip |
| Lĩnh vực phát triển nhận thức | + Trẻ nhận ra và thích khám phá nội dung các đối tượng, sự vật, hiện tượng, cây, hoa quả, con vật. + Trẻ nhận ra và sắp xếp các đồ vật theo | Bảng tương tác thông minh, màn hình hiển thị cầm tay (laptop/ ipad/ Smartphone) | Đánh dấu , tô màu, kéo thả, xem video clip |

| | | | |
|--|---|---|--|
| | màu sắc, kích cỡ. | | |
| Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ | + Trẻ nhận ra và hiểu nội dung các kí hiệu. + Trẻ hiểu nội dung các câu chuyện, bài thơ qua các video clip và tương tác | Bảng tương tác thông minh, màn hình hiển thị cầm tay (laptop/ ipad/ Smartphone) | Đánh dấu , tô màu, kéo thả, xem video clip |
| Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội, thẩm mỹ | + Trẻ nhận ra các hành vi, và biểu lộ cảm xúc khi tương tác với các nội dung hoạt động trên nền tảng số. + Trẻ yêu thích cái đẹp, thích thú trước những âm thanh, hình ảnh đẹp + Trẻ nhận ra và lựa chọn về màu sắc, chất liệu, hình dáng | Bảng tương tác thông minh, màn hình hiển thị cầm tay (laptop/ ipad/ Smartphone) | Đánh dấu , tô màu, kéo thả, xem video clip |

MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC ĐỘ TUỔI NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG

| Mục tiêu giáo dục | Nội dung giáo dục |
|---|---|
| 1. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT | |
| a, Phát triển vận động | |
| MT1: Trẻ thực hiện các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng và chân. | Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp |

| | |
|---|--|
| | <p>với lắc bàn tay.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước nghiêng người sang hai bên, vặn người sang hai bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân |
| MT2: Trẻ giữ thăng bằng trong khi vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh – chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay. | <ul style="list-style-type: none"> - Tập đi chạy: + Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp + Đi có mang vật trên tay + Chạy theo hướng thẳng + Đứng co 1 chân |
| MT3: Trẻ giữ được thăng bằng trong khi thực hiện vận động nhún – bật. | <ul style="list-style-type: none"> - Tập nhún bật: + Bật tại chỗ + Bật qua vạch kẻ |
| MT4: Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay mắt: Tung - bắt, bóng với cô khoảng cách 1m, ném vào đích xa 1 - 1,2m - Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay(Tối thiểu 1,5m) | <p>Tập tung, ném, bắt:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tung - bắt bóng cùng cô + Ném bóng về phía trước + Ném bóng vào đích + Ném xa bằng một tay |
| MT5: Trẻ biết phối hợp tay và chân, cơ thể trong khi bò, trườn để giữ được vật trên lưng. | <ul style="list-style-type: none"> - Tập bò, trườn: + Bò theo hướng thẳng và có vật trên lưng + Bò chui qua cổng + Bò, trườn qua vật cản |
| MT6: Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay; thực hiện (múa khéo) | <ul style="list-style-type: none"> - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé |

| | |
|--|--|
| <p>MT7: Trẻ phối hợp cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nhón nhặt đồ vật - Đóng cọc bàn gỗ - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây - Chắp ghép hình- Chồng, xếp 6 - 8 khối - Tập cầm bút tô, vẽ - Lật mở trang sách |
| <p>MT8: Trẻ phối hợp cử động cổ tay, bàn tay, ngón tay phối hợp tay, mắt khi thực hiện thao tác với chuột máy tính và các thiết bị số khi được sự giúp đỡ của giáo viên.</p> | <p>+ Ấn, bấm di chuyển chuột máy tính, laptop, ipad, smart phone</p> |
| <p><i>b, Giáo dục dinh dưỡng và sức khoẻ</i></p> | |
| <p>MT9: Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các thức ăn khác nhau.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống |
| <p>MT10: Trẻ ngủ một giấc buổi trưa.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Luyện thói quen ngủ một giấc trưa |
| <p>MT11: Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn, vứt rác đúng nơi quy định. - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định |
| <p>MT12: Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (Lấy nước uống, đi vệ sinh...),</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Tập tự phục vụ + Xúc cơm uống nước + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, |

| | |
|--|---|
| <p>- Chấp nhận đội mũ khi ra nắng; đi dày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.</p> | <p>cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt + Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập một số thao tác trong rửa tay, lau mặt - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh - Biết đội mũ khi trời nắng</p> |
| <p>MT13: Trẻ biết tránh một số vận dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.</p> | <p>- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ hoặc đến gần.</p> |
| <p>MT14: Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở</p> | <p>- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh</p> |
| <p>2. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC a. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan:</p> | |
| <p>MT15: Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng</p> | <p>- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn nhìn, ngửi... đồ vật hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng- mềm, trơn (nhẵn)- xù xì - Ném vị của một số thức ăn, quả (ngọt- mặn- chua)</p> |
| <p>b. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi:</p> | |
| <p>MT16: Trẻ thích chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người</p> | <p>- Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần</p> |

| | |
|---|---|
| <p>gắn gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.</p> | <p>gũi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi quen thuộc. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm. |
| <p>MT17. Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp. |
| <p>MT18: Trẻ nói được tên, chức năng của một số bộ phận của cơ thể khi được hỏi.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Tên, chức năng chính của một số bộ phận trên cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. |
| <p>MT19: Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa, quả, các con vật quen thuộc.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. |
| <p>MT20: Trẻ khám phá các đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa, quả, các con vật quen thuộc qua các video clip, hình ảnh trên các nền tảng số</p> | <p>+ Xem các Video clip, hình ảnh</p> |
| <p>MT21: Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Màu đỏ, vàng, xanh - Hình tròn, hình vuông |

| | |
|--|---|
| câu. | |
| MT22: Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi theo số lượng yêu cầu. | - Số lượng (một - nhiều). |
| MT23: Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to, nhỏ theo yêu cầu. | - Kích thước (to-nhỏ) |
| MT24: Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi theo vị trí trong không gian trên - dưới; trước - sau theo yêu cầu. | - Vị trí trong không gian (Trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. |
| MT25: Trẻ lựa chọn, sắp xếp các đồ vật theo màu đỏ - vàng - xanh; số lượng 1-nhiều; to - nhỏ trên các câu hỏi, bài tập tương tác | + Tô màu, chọn màu, số lượng đồ vật, con vật, cây cối + Sắp xếp kích cỡ, chất liệu, hình dáng đồ vật, con vật, cây cối |
| 3. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ | |
| MT26. Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. VD: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay!” | - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. |
| MT27: Trẻ biết trả lời các câu hỏi: Ai đây? Cái gì đây?; Làm gì?; Thế nào? (Ví dụ: “ Con gà gáy như thế nào?”) | - Nghe các câu hỏi: Cái gì?; Làm gì?; Để làm gì? ở đâu?; Như thế nào? |
| MT28: Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản, trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. | - Lắng nghe khi người lớn đọc sách - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh - Nghe các câu truyện ngắn - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần có gợi ý |
| MT29: Trẻ biết phát âm rõ tiếng. | - Phát âm các âm khác nhau |

| | |
|--|--|
| <p>MT30: Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, bài thơ qua các video clip</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ xem câu chuyện qua các video clip - Trẻ nghe đọc thơ qua các video clip |
| <p>MT31: Trẻ đọc được các bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, hò vè, câu đố, bài hát - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng. |
| <p>MT32: Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật hoạt động, đặc điểm quen thuộc.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì?; Làm gì?; Để làm gì? ở đâu?; Như thế nào?; Tại sao? |
| <p>MT33: Trẻ biết sử dụng lời nói với mục đích khác nhau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: Con gì đây? cái gì đây? | <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn, câu dài. |
| <p>MT34: Trẻ biết nói to đủ nghe, lễ phép</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. |
| <p>4. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM XÃ HỘI THẨM MỸ</p> | |
| <p>MT35: Trẻ nói được vài thông tin về mình (tên, tuổi).</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được tên, tuổi của mình và một số đặc bên ngoài của bản thân |
| <p>MT36: Trẻ biết thể hiện điều mình thích, không thích</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. - Thực hiện yêu cầu đơn giản của |

| | |
|---|---|
| | giáo viên |
| MT37: Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ lời nói | - Giao tiếp với những người xung quanh. |
| MT38: Trẻ nhận biết trạng thái và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt cử chỉ. | - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái, cảm xúc: vui, buồn, tức giận. |
| MT39: Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi bắt chước tiếng kêu, gọi. | - Quan tâm đến các vật nuôi. |
| MT40: Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số loại cây quen thuộc/gần gũi | - Quan tâm đến các loại cây quen thuộc |
| MT41: Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ. | - Thực hiện một số hành vi, văn hóa và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ dạ, vâng ạ, chơi cạnh bạn, không cầu bạn. |
| MT42: Trẻ nhận ra những hành vi, biểu lộ những cảm xúc vui - buồn – sợ hãi..khi xem các video clip | - Bộc lộ những hành vi, cảm xúc khi xem các video clip |
| MT43: Biết thể hiện 1 số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bé em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...) - Chơi thân thiện cạnh trẻ khác. - Thực hiện một số yêu cầu của người lớn. | - Chơi thân thiện với bạn, chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Thực hiện một số qui định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp; xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào đúng nơi qui định. |
| MT44: Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc. | - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau: nghe âm thanh của các nhạc cụ. |

| | |
|--|--|
| | - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. |
| MT45: Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc) | - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh. |

D. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

I. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hân hờ, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

2. Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

3. Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

4. Hoạt động chơi - tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

5. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6),...)

2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng, nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gần bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

3. Nhóm phương pháp thực hành

a) Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

b) Trò chơi

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

c) Luyện tập

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

4. Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

5. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

IV. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG

1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.

- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích

giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.
- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động, đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.
- + Có khu vực đủ rộng cho trẻ chơi với các đồ chơi phát triển các giác quan, các thiết bị đồ chơi cho trẻ vận động.
- + Trẻ 12 - 24 tháng tuổi có thêm khu vực cho trẻ hoạt động với đồ vật, với sách tranh, bút sáp, giấy, các vật dụng và thiết bị, đồ chơi vận động đơn giản.
- + Trẻ 24 - 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.
- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.
- Có khu vui chơi với cát, nước,...

2. Môi trường xã hội

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

E. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non, nhận định về sự phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

I. ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY

1. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hàng ngày.

2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

II. ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN

1. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng bài tập tình huống.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi (18, 24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân

nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

PHẦN III

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẪU GIÁO

A. MỤC TIÊU

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).

- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.

- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI

- Có ý thức về bản thân.

- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

VI. LÀM QUEN VỚI TIẾNG ANH

*** Sau khi hoàn thành chương trình làm quen tiếng anh, trẻ sẽ đạt được:**

- Kỹ năng chào hỏi, diễn đạt bằng tiếng anh thông qua các từ vựng, tình huống, ngữ cảnh quen thuộc với thực tế.

- Nghe, hiểu và thực hiện các câu lệnh, chỉ dẫn, mệnh lệnh ngắn, bằng tiếng anh tương ứng với độ tuổi.

- Phát triển kỹ năng vận động thông qua các hoạt động vận động theo bài

hát, bài vè, các hoạt động cá nhân, nhóm, tập thể lớp.

- Phát triển kỹ năng quan sát, ghi nhớ, tư duy phán đoán, sáng tạo thông qua các hoạt động kể chuyện, vẽ/tô màu tranh, nặn hình theo từng chủ đề bài học hoặc những hoạt động trải nghiệm thực tế.

*** Nội dung thực hiện**

+ **Đối với trẻ 3-4 tuổi:**

| Kỹ năng ngôn ngữ | Kiến thức ngôn ngữ | Thái độ và kỹ năng xã hội |
|--|---|--|
| <p>* Kỹ năng nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật và hành động rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi trong phạm vi khoảng 35 từ, cụm từ; - Nghe số từ 1 đến 3; - Nghe và làm theo yêu cầu đơn lẻ rất đơn giản, quen thuộc; - Nghe và trả lời bằng cử chỉ, hành động, 1 - 2 từ hoặc một số mẫu câu rất đơn giản, quen thuộc khi chào hỏi, tạm biệt và được hỏi tên; - Nghe và phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc trả lời bằng 1 - 2 từ trong một số tình huống giao tiếp rất đơn giản, quen thuộc khác; - Nghe và thực hiện hướng dẫn khi tham gia các trò chơi rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi; - Nghe bài vắn, bài thơ, bài hát rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi; | <p>Trẻ có thể nghe hiểu, nhận biết và nói được:</p> <p>Từ vựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoảng 35 từ, cụm từ; - Số đếm: từ 1 đến 3. <p>Mẫu câu:</p> <p>Câu chào hỏi, tạm biệt, giới thiệu tên;</p> <p>Câu hỏi, câu kể, câu cảm thán, câu cầu khiến rất đơn giản, quen thuộc, phù hợp với lứa tuổi.</p> <p>Hello, I'm (Linda).</p> <p>This is (my mum).</p> <p>It's (a book).</p> <p>Stand up!</p> <p>Sit down!</p> <p>High five!</p> <p>It's (red).</p> <p>It's (my ball).</p> <p>Show me something</p> | <p>Có hứng thú với tiếng Anh và tích cực tham gia các hoạt động làm quen với tiếng Anh;</p> <p>Mạnh dạn và tự tin trong giao tiếp.</p> <p>Biết cách chào hỏi người khác</p> <p>Biết giữ gìn quần áo gọn gàng, sạch sẽ</p> <p>Biết ăn hết đồ ăn</p> |

| Kĩ năng ngôn ngữ | Kiến thức ngôn ngữ | Thái độ và kỹ năng xã hội |
|---|--|---------------------------|
| <p>- Nghe nội dung truyện tranh rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi.</p> <p>* Kỹ Năng nói:</p> <p>- Nhắc lại, nói từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật và hành động rất đơn giản, quen thuộc trong phạm vi khoảng 35 từ, cụm từ;</p> <p>- Phát âm tương đối rõ ràng các từ đơn lẻ trong phạm vi từ vựng được làm quen;</p> <p>- Phản hồi bằng cử chỉ và trả lời bằng 1 - 2 từ hoặc một số mẫu câu rất đơn giản, quen thuộc khi chào hỏi, tạm biệt và được hỏi tên;</p> <p>- Phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc trả lời bằng 1 - 2 từ trong một số tình huống giao tiếp rất đơn giản, quen thuộc khác;</p> <p>- Phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc lời nói (1 - 2 từ) khi tham gia các trò chơi rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi;</p> <p>- Nhắc lại một số bài vắn, thơ rất đơn giản, quen thuộc;</p> <p>- Hát theo một số bài hát rất đơn giản, quen thuộc;</p> <p>- Trả lời, kể lại một số tình tiết rất</p> | <p>(red)!</p> <p>This is (my nose).</p> <p>This is (a hat).</p> <p>Point to (your nose)!</p> <p>It's (a dog).</p> <p>I like (apple).</p> <p>I'm (a cat).</p> | |

| Kĩ năng ngôn ngữ | Kiến thức ngôn ngữ | Thái độ và kỹ năng xã hội |
|---|--------------------|---------------------------|
| <p>đơn giản của truyện đã được nghe.</p> <p>Làm quen với Đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với tranh ảnh, minh họa chỉ người, đồ vật, sự vật, và hành động rất đơn giản và quen thuộc; - Làm quen với truyện tranh, cầm sách đúng chiều, mở sách và xem tranh. | | |

+ Đối với trẻ 4-5 tuổi:

| Kĩ năng ngôn ngữ | Kiến thức ngôn ngữ | Thái độ và kỹ năng xã hội |
|---|---|--|
| <p>* Kỹ năng nghe:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi trong phạm vi khoảng 70 từ, cụm từ; - Nghe số từ 1 đến 5; - Nghe và làm theo 2 yêu cầu đơn giản, quen thuộc; - Nghe và trả lời bằng cử chỉ, hành động, 1-3 từ hoặc một số mẫu câu rất đơn giản, quen thuộc khi được hỏi về bản thân và gia đình; - Nghe và trả lời bằng cử chỉ, hành động hoặc 1-3 từ trong một số tình huống giao tiếp rất đơn giản, quen thuộc khác; | <p>Trẻ có thể nghe hiểu, nhận biết và nói được:</p> <p>Từ vựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoảng 70 từ và cụm từ, trong đó: + Dạy mới: Khoảng 35 từ, cụm từ; + Ôn tập và tái sử dụng từ Book 1: Khoảng 35 từ, cụm từ. - Số đếm: Từ 1 đến 5 (Dạy mới: số 4, 5, ôn tập và tái sử dụng: số 1 đến 3). <p>Mẫu câu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi về bản thân | <p>Có hứng thú với tiếng Anh và tích cực tham gia các hoạt động làm quen với tiếng Anh;</p> <p>Mạnh dạn và tự tin trong giao tiếp.</p> <p>Biết yêu thương gia đình của mình</p> <p>Biết chia sẻ đồ chơi với bạn</p> <p>Biết giữ gìn đồ chơi gọn gàng ngăn nắp</p> <p>Biết giữ cơ thể</p> |

| Kỹ năng ngôn ngữ | Kiến thức ngôn ngữ | Thái độ và kỹ năng xã hội |
|---|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Nghe và thực hiện hướng dẫn khi tham gia các trò chơi đơn giản, phù hợp với lứa tuổi; - Nghe bài vắn, bài thơ, bài hát đơn giản, phù hợp với lứa tuổi; - Nghe nội dung truyện tranh rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi. <p>* Kỹ năng nói:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại, nói từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc trong phạm vi khoảng 70 từ, cụm từ; - Phát âm tương đối rõ ràng các từ đơn lẻ và cụm từ trong phạm vi từ vựng được làm quen; - Trả lời bằng cử chỉ, hành động, 1-3 từ hoặc một số mẫu câu rất đơn giản, quen thuộc khi được hỏi về bản thân và gia đình; - Trả lời bằng cử chỉ, hành động hoặc bằng 1-3 từ trong một số tình huống giao tiếp rất đơn giản, quen thuộc khác; - Thể hiện một số cử chỉ, điệu bộ, nét mặt đơn giản, phù hợp với tình huống giao tiếp; - Phản hồi bằng cử chỉ, hành động | <p>và gia đình;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi, câu kể, câu cảm thán, câu cầu khiến đơn giản, quen thuộc, phù hợp với lứa tuổi. <p>Hello. I'm (Hoa). It's (my grandpa). It's (a table). Count! It's (pink). I want (a boat). It's (a boat). I've got (one head). These are (trousers). Touch your (head)! Clap your hands! Is this a (rabbit)? Yes, it is./ No, it isn't. Do you like ...? Yes, (I do)./ No, (I don't).</p> | <p>sạch sẽ</p> <p>Biết giúp đỡ gia đình các công việc nhà</p> <p>Biết dọn dẹp gọn gàng sau bữa ăn</p> |

| Kĩ năng ngôn ngữ | Kiến thức ngôn ngữ | Thái độ và kỹ năng xã hội |
|--|--------------------|---------------------------|
| <p>hoặc lời nói (1-3 từ) khi tham gia các trò chơi đơn giản, phù hợp với lứa tuổi;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại một số câu vắn, câu thơ rất đơn giản, quen thuộc; - Hát theo một số bài hát rất đơn giản, quen thuộc; - Trả lời câu hỏi về một số tình tiết rất đơn giản của truyện đã được nghe. <p>Làm quen với Đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với 1-3 ký hiệu bằng tiếng Anh thông thường; - Xem tranh ảnh, minh họa và đọc theo thành tiếng từ chỉ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động trong phạm vi từ vựng được làm quen; - Xem truyện tranh và kể lại một số chi tiết của truyện tranh. | | |

+ *Đối với trẻ 5-6 tuổi:*

| Kĩ năng ngôn ngữ | Kiến thức ngôn ngữ | Thái độ và kỹ năng xã hội |
|---|--|--|
| <p>* Kỹ năng nghe:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi trong phạm vi khoảng 100 từ, cụm từ; | <p>Trẻ có thể nghe hiểu, nhận biết và nói được:</p> <p>Từ vựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoảng 110 từ và cụm từ, trong đó: | <p>Có hứng thú với tiếng Anh và tích cực tham gia các hoạt động làm quen với tiếng</p> |

| Kĩ năng ngôn ngữ | Kiến thức ngôn ngữ | Thái độ và kỹ năng xã hội |
|---|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Nghe số từ 1 đến 10; - Nghe và làm theo 2 đến 3 yêu cầu liên tiếp đơn giản, quen thuộc; - Nghe và trả lời bằng 1-3 từ hoặc một số mẫu câu đơn giản, quen thuộc khi được hỏi về cảm xúc, sở thích; - Nghe và phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc trả lời ngắn trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc khác; - Nghe và thực hiện hướng dẫn khi tham gia các trò chơi đơn giản, phù hợp với lứa tuổi; - Nghe bài văn, bài thơ, bài hát đơn giản, phù hợp với lứa tuổi; - Nghe nội dung truyện tranh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi. <p>* Kỹ năng nói:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại, nói từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc trong phạm vi khoảng 100 từ, cụm từ; - Phát âm tương đối rõ ràng các từ đơn lẻ, cụm từ và một số mẫu câu quen thuộc trong phạm vi từ vựng được làm quen; - Trả lời bằng cử chỉ, hành động, 1-3 | <ul style="list-style-type: none"> + Dạy mới: Khoảng 40 từ, cụm từ; + Ôn tập và tái sử dụng từ Book 1 và Book 2: Khoảng 70 từ, cụm từ. - Số đếm: Từ 1 đến 10, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Dạy mới: số 6 đến 10; + Ôn tập và tái sử dụng: số 1 đến 5. <p>Mẫu câu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi về cảm xúc, sở thích, hiện tượng; - Câu hỏi, câu kể, câu cảm thán, câu cầu khiến đơn giản, quen thuộc, phù hợp với lứa tuổi. <p>How are you, Hoa? There is (a TV). There is (a window). Open the door! Close the window! Slide! I'm (hungry). It's (cloudy). It's (rainy)!</p> <ul style="list-style-type: none"> - Is it a (tiger)? | <p>Anh;</p> <p>Mạnh dạn và tự tin trong giao tiếp.</p> <p>Biết cư xử đúng cách, mặc quần áo phù hợp với thời tiết, biết tuân thủ theo các quy tắc, tôn trọng nghề nghiệp của người khác.</p> |

| Kĩ năng ngôn ngữ | Kiến thức ngôn ngữ | Thái độ và kỹ năng xã hội |
|---|---|---------------------------|
| <p>từ hoặc một số mẫu câu đơn giản, quen thuộc khi được hỏi về cảm xúc và sở thích;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc trả lời ngắn trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc khác; - Thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt đơn giản, phù hợp với tình huống giao tiếp; - Phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc lời nói khi tham gia các trò chơi đơn giản, phù hợp với lứa tuổi; - Nhắc lại một số bài vắn, thơ đơn giản, phù hợp với lứa tuổi; - Hát theo một số bài hát đơn giản, phù hợp với lứa tuổi; - Trả lời, kể lại một số tình tiết rất đơn giản theo trình tự của truyện đã được nghe; - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên. <p>* Làm quen với Đọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với 3 kí hiệu bằng tiếng Anh thông thường (Circle, Tick, Cross); - Xem tranh ảnh, minh họa và đọc | <ul style="list-style-type: none"> - Yes, it is. / No, it isn't. She's (a teacher). Make (letter A)! I like (salad). They are (leaves). Make (letter C)! | |

| Kĩ năng ngôn ngữ | Kiến thức ngôn ngữ | Thái độ và kỹ năng xã hội |
|--|--------------------|---------------------------|
| <p>theo thành tiếng từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động trong phạm vi từ vựng được làm quen;</p> <p>- Xem truyện tranh và kể chuyện qua tranh.</p> <p>* Làm quen với Viết:</p> <p>Tập tô màu, tô theo một số nét, chữ cái, từ tiếng Anh quen thuộc.</p> | | |

Trẻ tham gia đầy đủ chương trình, Khả năng của trẻ theo từng lứa tuổi như sau:

| STT | Khả năng của trẻ | Khối 3-4 | Khối 4-5 | Khối 5-6 |
|-----|---|----------|----------|----------|
| 1 | Trẻ thích hát và vận động theo bài hát | 70 % | 75 % | 80 % |
| 2 | Trẻ nghe hiểu và làm theo hướng dẫn của GV. | 50% | 60% | 70% |
| 3 | Trẻ nghe hiểu & nhận biết được các từ, câu đơn giản. | 60% | 65% | 70% |
| 4 | Trẻ có thể nhắc lại được các từ và câu đơn giản. | 55% | 60% | 70% |
| 5 | Trẻ tự nói được các từ, câu đơn giản. | 30% | 40% | 45% |
| 6 | Trẻ hỏi được các từ, câu đơn giản. | 20% | 30% | 40% |
| 7 | Trẻ có thể giới thiệu được tên, tuổi của mình | 30% | 50% | 60% |
| 8 | Trẻ biết trình bày 1 đoạn từ 3-5 câu. | 20% | 30% | 40% |
| 9 | Trẻ nhận biết, nhắc lại được thành tiếng một số từ thông dụng khi xem tranh minh họa phù hợp với lứa tuổi trong phạm vi từ vựng được làm quen | 40% | 50% | 60% |
| 10 | Trẻ nhắc lại, đọc theo được một số bài vắn, bài thơ đơn giản phù hợp với lứa | Làm quen | 40% | 50% |

| | | | | |
|----|---|-----|-----|-----|
| | tuổi. | | | |
| 11 | Trẻ mạnh dạn và tự tin hơn. | 90% | 90% | 95% |
| 12 | Trẻ thân thiện và hợp tác với các bạn trong lớp. | 50% | 60% | 70% |
| 13 | Trong 1 số tình huống trẻ có thể nghe hiểu và làm theo hướng dẫn. | 40% | 50% | 60% |
| 14 | Trẻ tích cực tham gia vào buổi học một cách vui vẻ. | 70% | 80% | 90% |

***Giáo viên giảng dạy:**

- Giáo viên chuyên ngữ của Trung tâm Ngoại ngữ VICTORIA
- Giáo viên Việt Nam có trình độ đáp ứng Thông tư 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020

*** Đánh giá chất lượng trẻ:**

Kết hợp với giáo viên tiếng anh của trung tâm để đánh giá trẻ.

- *Mục đích đánh giá:* Việc đánh giá được thực hiện nhằm thu thập thông tin về khả năng nghe, nói, tiền đọc viết của trẻ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, định hướng về phương pháp, nội dung, điều kiện, kế hoạch và các hoạt động cho trẻ em làm quen với tiếng Anh.

- *Nội dung đánh giá:*

- + Sự tiến bộ của trẻ qua 2 kỹ năng nghe, nói.
- + Làm quen với các kỹ năng tiền đọc, tiền viết và các kỹ năng xã hội, tích hợp liên môn

- + Sự hứng thú của trẻ đối với tiếng Anh

- *Phương pháp đánh giá:*

- + Quan sát trẻ qua các hoạt động chính khóa làm quen trên lớp.
- + Sử dụng hệ thống câu hỏi đánh giá kết thúc học kỳ.
- + Quan sát trẻ qua thông qua các hoạt động ngoại khóa

VII. TIẾP CẬN CÔNG NGHỆ SỐ

*** Trẻ có khả năng khi được tiếp cận công nghệ số:**

- Có khả năng tắt, mở máy tính, ti vi, điện thoại...và thao tác mở một số chương trình, phần mềm dành cho trẻ mầm non.

- Sử dụng được bảng tương tác.

- Có khả năng mở được đường link và sử dụng một số phần mềm vui chơi, học tập dành cho trẻ mầm non.

*** Nội dung thực hiện**

| Lĩnh vực | Kỹ năng cần hình thành phát triển ở trẻ | Công cụ công nghệ được sử dụng | Thiết kế nội dung theo tiếp cận công nghệ |
|-------------------------------|---|--|--|
| Lĩnh vực phát triển thể chất | Phát triển vận động, trẻ nhận biết và hình thành kỹ năng di chuyển cử động cổ tay, ngón tay để thực hiện thao tác và sử dụng thành thạo các công cụ công nghệ số cũng như thao tác di, ấn chuột, tương tác qua các bảng tương tác thông minh, màn hình hiển thị | Nền tảng số, phần mềm, bảng tương tác thông minh, màn hình hiển thị cầm tay (laptop/ ipad/ Smartphone) | Đánh dấu , tô màu, kéo - thả, đổi vị trí đồ vật trên màn hình, trò chơi vận động, chụp ảnh, xem video clip |
| Lĩnh vực phát triển nhận thức | + Trẻ hiểu và thích khám phá nội dung các đối tượng, sự vật, hiện tượng, cây, hoa quả, con vật. + Trẻ biết cách lựa chọn sắp xếp các đồ | Bảng tương tác thông minh, màn hình hiển thị cầm tay (laptop/ ipad/ Smartphone) | Đánh dấu , tô màu, kéo thả, đổi vị trí đồ vật trên màn hình, xem video clip |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | vật theo màu sắc, kích cỡ, chất liệu hình dáng | | |
| Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ | + Trẻ hiểu và trình bày nội dung các kí hiệu. + Trẻ hiểu nội dung các câu chuyện, bài thơ, biểu lộ những cảm xúc theo nội dung câu chuyện, bài thơ qua các video clip và tương tác | Bảng tương tác thông minh, màn hình hiển thị cầm tay (laptop/ ipad/ Smartphone) | Đánh dấu , tô màu, kéo thả, xem video clip, đổi vị trí đồ vật trên màn hình |
| Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội | + Trẻ biết các hành vi, và biểu lộ cảm xúc khi tương tác với các nội dung hoạt động trên nền tảng số. | Bảng tương tác thông minh, màn hình hiển thị cầm tay (laptop/ ipad/ Smartphone) | Đánh dấu , tô màu, kéo thả, xem video clip, đổi vị trí đồ vật trên màn hình |
| Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ | + Trẻ yêu thích cái đẹp, thích thú trước những âm thanh, hình ảnh đẹp + Trẻ hiểu và trình bày, lựa chọn về màu sắc, chất liệu, hình dáng | Bảng tương tác thông minh, màn hình hiển thị cầm tay (laptop/ ipad/ Smartphone) | Đánh dấu , tô màu, kéo thả, xem video clip, đổi vị trí đồ vật trên màn hình |

VIII. TIẾP CẬN GIÁO DỤC GIỚI

* Khả năng của trẻ

- Nhận ra sự khác biệt giới của bản thân và người khác qua sở thích, nhu cầu, đặc điểm, vai trò, vị thế khác nhau...

- Trẻ biết tự bộc lộ bản thân không bị ràng buộc bởi giới tính của mình...

- Nhận diện được các tình huống mang tính định kiến, khuôn mẫu giới, các nguy cơ bạo lực giới và xâm hại tình dục.

*** Nội dung tích hợp các hoạt động giáo dục giới**

| Nội dung giáo dục giới | Nội dung cụ thể | Tích hợp nội dung giáo dục giới trong hoạt động học thuộc các lĩnh vực giáo dục phát triển trong chương trình giáo dục mầm non | | | | |
|------------------------------------|--|---|--|--|--|---|
| | | PTTC - PTVD | PTNT - KPKH, KPXH | PTNN | PTTC-KNXH | PTTM |
| Phân biệt giới và giới tính | Sự khác nhau, giống nhau giữa bạn trai và bạn gái về giới tính, giới) | - Cách giữ vệ sinh cơ thể, vùng riêng tư (Bộ phận sinh dục, khu vực mặc đồ lót) Trên cơ thể của bé trai và bé gái - Tập làm một số Việc tự phục vụ trong sinh hoạt. | - Giới tính, Đặc điểm khác biệt bên ngoài giữa bạn trai và bạn gái - Tìm hiểu về giới tính của bản thân và người khác nhận ra sự khác nhau ở một số đặc điểm trên | - Nghe các câu chuyện liên quan đến sự khác nhau giữa cơ thể bạn trai và bạn gái - Xem tranh về các bộ phận Khu vực không ai được chạm/ sờ - làm quen đọc một số | - Sở thích khả năng của bản thân và của người khác (nhận ra sự khác biệt với của bản thân và người khác) - Điểm giống và khác nhau giữa mình với người | * Tạo hình - Vẽ, nặn, tô màu bạn trai, bạn gái, đồ dùng các bạn sử dụng. - Cắt xé dán hình ảnh bé trai, bé gái - Vẽ tết tóc từ sợi len làm |

| | | | | | | |
|--|-----------------------|---|---|--|--|--|
| | | - Đi vệ sinh đúng nơi quy định sử dụng đồ vệ sinh đúng cách | cơ thể giữa bạn trai và bạn gái. - Nhận biết về cách gọi xưng hô liên quan đến giới như: Ông, chú, cậu, anh, bà, cô, gì, chị.. | ký hiệu thông thường trong cuộc sống như ký hiệu nhà vệ sinh dành cho trẻ em trai gái người khuyết tật ký hiệu ưu tiên dành cho người khuyết tật | khác về sở thích khả năng). - Vị trí trách nhiệm của bản thân trong lớp, nhóm chơi. - Học cách ứng xử phù hợp với người khác, tôn trọng mọi người xung quanh bất kể giới tính của họ là gì và sở thích của họ ra sao (Kể cả người chuyển đổi giới tính). | váy, từ vô ngô hoặc nguyên liệu tái sử dụng. - Vẽ hình cơ thể bạn trai, bạn gái và xác định đâu là bộ phận khu vực không ai được xâm phạm. * Âm nhạc - Nghe và hát các bài hát về bản thân và các bạn |
| | Trạng thái sức | Tìm hiểu về những | - Nhận Biết một | - Trẻ nói về cảm | - Biết nói với người | |

| | | | | | | |
|--|-------------|--|---|--|--|--|
| | khoẻ | việc mà bản thân có thể làm để bảo vệ sức khỏe, sự an toàn cho bản thân và người khác, (đồ vật an toàn địa điểm an toàn, giao tiếp với người khác phù hợp để bản thân luôn có được cảm giác vui vẻ và dễ chịu) | số biểu hiện của bản thân khi bị ốm mệt và nói với người khác để được hỗ trợ. - Nhận biết một số biểu hiện bất thường trên cơ thể và ở bộ phận sinh dục của bản thân (ngứa, đau, có màu sắc, mùi... bất thường hoặc gây cho trẻ cảm giác khó chịu) và nói với người khác để được hỗ | giác của cơ thể khi khỏe và khi bị bệnh hoặc ốm... - Đọc thơ, Nghe kể chuyện, xem tranh, ảnh về một số bệnh trẻ thường gặp và nói lên hiểu biết của mình về chúng. - Trò chuyện để biết cách giữ cho sức khỏe được tốt | khác khi thấy bản thân/ hoặc của ốm, mệt. - Giao tiếp với người khác phù hợp để bản thân luôn được cảm giác vui vẻ và dễ chịu | |
|--|-------------|--|---|--|--|--|

| | | | | | | |
|---|--|---|---|---|---|---|
| | | | trợ. | | | |
| Tôn trọng bản thân và người khác | Yêu thương tôn trọng cơ thể của bản thân và người khác (kể cả người khuyết tật, chuyên giới.) | - Chấp nhận đặc điểm bên ngoài của cơ thể bản thân và người khác. - Tập luyện để cơ thể khỏe mạnh và con người có được trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần | - Tìm hiểu và nhận thức được cơ thể mỗi người đều cần được tôn trọng kể cả người khuyết tật. - Tất cả mọi người (dù là ai, giới tính là gì, có sở thích, khả năng như thế nào) đều cần được yêu thương, chăm sóc, bảo vệ và giúp đỡ | Nghe đọc truyện, thơ, xem tranh, ảnh để thấy được sự đa dạng và khác biệt ở hình dáng bên ngoài (có người cao, thấp, da đen, da, tóc đen, tóc vàng, người lành lặn, người khuyết tật...) và sở thích của mọi người | - Yêu thương bản thân, tự hào, trân trọng về cơ thể của mình và người khác. - Những hành động bảo vệ cơ thể của bản thân, của người khác. - Học cách tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm cơ thể, hình dáng bên ngoài của bản thân và của người | Tạo ra bất cứ Sản phẩm tạo hình, âm nhạc, nghệ thuật nào đó theo sở thích và sự sáng tạo của mỗi trẻ và không bị giới hạn về giới tính, định Kiến |

| | | | | | | |
|--------------------------------|--|--|--|---|---|--|
| | | | | | khác, kể Cả người khuyết tật, người khác màu da, tóc, mắt... | |
| | Đối xử công bằng và bình đẳng | Mọi trẻ (trai, gái) đều được nhìn nhận về khả năng và tạo cơ hội như nhau trong tập luyện, tham gia vào các hoạt động phát triển thể chất, vận động. | Tìm hiểu để nhận ra một số cách ứng xử không công bằng với bạn trai và bạn gái | Xem sách, trò chuyện, lắng nghe và trao đổi phù hợp với người đối thoại | Đối xử công bằng với mọi trẻ trên cơ sở tôn trọng khác biệt | Mỗi trẻ đều được khuyến khích để tạo ra các sản phẩm tạo hình, âm nhạc, nghệ thuật theo khả năng và sự sáng tạo của bản thân, như là một cách thể hiện bản thân của mỗi đứa trẻ |
| Bạo lực và cách | Nhận ra các tình huống | - Tìm hiểu thế nào là bất nạt và | - Được tìm hiểu và giải | - Nghe Các câu chuyện liên | - Trẻ được dạy và tập luyện kỹ | Vẽ hình cơ thể bạn trai, cơ |

| | | | | | | |
|---------------------------|--|--|--|---|---|---|
| <p>giữ an toàn</p> | <p>nguy cơ bạo lực giới và biết cách bảo vệ bản thân</p> | <p>bạo lực (bạo lực về thể chất, tinh); nhận biết một số hành vi động chạm cơ thể trẻ em là không phù hợp. - Kỹ năng nhận biết được khi nào rơi vào tình huống nguy cơ nguy hiểm, cần phải tìm kiếm sự giúp đỡ của mọi người xung quanh (ở vào tình huống không an toàn như bị ốm, bị thương,</p> | <p>thích thể nào là “ sự động chạm phù hợp” và “ sự động chạm không phù hợp” - Tìm hiểu thể nào là bạo lực và bắt nạt, nhận biết một số hành vi động chạm cơ thể trẻ em là không phù hợp</p> | <p>quan đến tình huống bắt nạt và bạo lực. - Sử dụng lời nói/ hành động để cơ thể của bản thân/ bạn khác khi không thấy thoải mái. - Trò chuyện và chơi đóng vai (giả bộ) để tập luyện các kỹ năng xử lý tình huống nguy cơ bạo lực để bảo vệ bản thân, kỹ năng tìm kiếm sự giúp đỡ và</p> | <p>năng tự bảo vệ bản thân và tìm kiếm sự hỗ trợ giúp phù hợp trong các tình huống nguy cơ/ hoặc đã xảy ra bạo lực giới (ví dụ: quy tắc 5 ngón tay, quy tắc đồ lót...) + Kỹ năng nhận diện và phòng chống bạo lực, xâm + Tập Nhận biết và thể hiện thái độ, hành vi không bắt nạt bạn/</p> | <p>thể bạn gái và xác định đâu là bộ phận/ khu không ai được xâm phạm</p> |
|---------------------------|--|--|--|---|---|---|

| | | | | | | |
|--|--|-------------------------|--|--------|---|--|
| | | bắt nạt, quấy rối..) | | hỗ trợ | <p>người khác.</p> <p>- Học cách ứng xử khi bị bắt nạt và bạo lực;</p> <p>cách tìm kiếm sự hỗ trợ và giúp đỡ khi cần (kỹ năng tìm kiếm sự giúp đỡ và hỗ trợ)</p> <p>- Biết phải làm gì nếu người khác có thái độ và hành vi động chạm cơ thể của mình mà không cảm thấy thoải mái (sợ hãi hoặc không thích)</p> | |
|--|--|-------------------------|--|--------|---|--|

| | | | | | | |
|--|---------------------------------------|--|---------------------------------------|------------------------------------|--|---------------------------------------|
| | | | | | - Phản ứng (tỏ thái độ không đồng tình và/ hoặc có hành vi phản ứng lại bằng cách hất tay ra, kêu cứu, la hét, chống trả, khi người khác có thái độ hoặc hành vi đụng chạm vào bộ phận sinh dục và/ hoặc bất kỳ vùng nào trên cơ thể của trẻ | |
| | Phòng chống phân biệt giới, định kiến | | - Tìm hiểu một số quyền trẻ em, quyền | Làm sách tranh, kể chuyện sáng tạo | Chơi vui vẻ với tất cả các bạn và người | Tạo ra sản phẩm nghệ thuật (tạo hình, |

| | | | | | | |
|--|--|--|--|---|---|---|
| giới, kỳ thi và tham gia xây dựng môi trường giáo dục bình đẳng giới | | | bất khả xâm phạm cơ thể. - Quyền của mỗi người trong việc quyết định ai được phép chạm vào cơ thể của mình và ai không được phép. - Tìm hiểu về các bộ phận trên cơ thể, biết được đâu là chỗ/ khu vực (vùng riêng tư) mà không ai được phép xâm phạm | thể hiện mong muốn về một thế giới hòa bình, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau | khác (không kể giới tính, đặc điểm cá nhân, hoàn cảnh, nguồn gốc xuất thân...) | âm nhạc, kịch,...) Thể hiện cảm xúc và ý tưởng của bản thân sự yêu thương, Tôn trọng lẫn nhau. |
|--|--|--|--|---|---|---|

B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. PHÂN PHỐI THỜI GIAN

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong trường mầm non Vũ Xá. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của nhà trường.

+ Học kỳ I bắt đầu từ ngày 06/9/2023, kết thúc trước ngày 06/01/2024

+ Hoàn thành chương trình giáo dục học kỳ II trước ngày 25/5/2024; kết thúc năm học trước ngày 31/5/2024.

- Quy định số tuần học:

+ Nhà trường xây dựng 35 tuần thực học (học kỳ I: 18 tuần, học kỳ II: 17 tuần).

Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày ở cơ sở giáo dục mầm non một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành thái độ, nề nếp, thói quen và những kỹ năng sống tích cực.

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ MẪU GIÁO

| Thời gian | Hoạt động |
|----------------|-------------------------------|
| 80 - 90 phút | Đón trẻ, chơi, thể dục sáng |
| 30 - 40 phút | Học |
| 40 - 50 phút | Chơi, hoạt động ở các góc |
| 30 - 40 phút | Chơi ngoài trời |
| 60 - 70 phút | Ăn bữa chính |
| 140 - 150 phút | Ngủ |
| 20 - 30 phút | Ăn bữa phụ chiều |
| 70 - 80 phút | Chơi, hoạt động theo ý thích |
| 60 - 70 phút | Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ |

C. NỘI DUNG

I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:

+ *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.*

+ *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.*

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ 01 năm 2 lần; cân, đo hàng tháng, hàng quý. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

II. GIÁO DỤC

1. Giáo dục phát triển thể chất

Nội dung giáo dục phát triển thể chất bao gồm: phát triển vận động và giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.

a) Phát triển vận động

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
- Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tổ chất trong vận động.
- Các cử động bàn tay, ngón tay và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.

- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.
- Giữ gìn sức khỏe và an toàn.

2. Giáo dục phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

- Các bộ phận của cơ thể con người.
- Đồ vật.
- Động vật và thực vật.
- Một số hiện tượng tự nhiên.

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.
- Xếp tương ứng.
- So sánh, sắp xếp theo quy tắc.
- Đo lường.
- Hình dạng.
- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.

c) Khám phá xã hội

- Bản thân, gia đình, họ hàng và cộng đồng.
- Trường mầm non.
- Một số nghề phổ biến.

- Danh lam, thắng cảnh và các ngày lễ, hội.

3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

a) Nghe

- Nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát.

- Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

b) Nói

- Phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt.

- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.

- Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi.

- Đọc thơ, ca dao, đồng dao và kể chuyện.

- Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp.

c) Làm quen với việc đọc, viết

- Làm quen với cách sử dụng sách, bút.

- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống.

- Làm quen với chữ viết, với việc đọc sách.

4. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

a) Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân.

- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.

b) Phát triển kỹ năng xã hội

- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

- Quan tâm bảo vệ môi trường.

5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

a) Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.

b) Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe, hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).

c) Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).

D. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

I. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

2. Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

3. Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nền nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Ngày tổng kết...).

2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (*quan sát, làm mẫu, minh họa*)

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương

tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

3. Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

6. Tiếp cận phương pháp giáo dục mầm non Steam

- Trẻ có cơ hội được học tập, trải nghiệm, khuyến khích trẻ khám phá, tìm tòi. Phát huy năng lực tư duy sáng tạo, tư duy logic, khả năng giải quyết vấn đề, Có cơ hội ứng dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tế để tạo ra các sản phẩm có ý nghĩa, khơi dậy niềm yêu thích của trẻ, là tiền đề thuận lợi cho các bậc học sau

- Trẻ tự lựa chọn hoạt động (với điều kiện là các hoạt động này đã được giáo viên lên kế hoạch sắp xếp trước, trẻ không bị ngắt quãng hay làm phiền trong quá trình “*làm việc*”; Học sinh học hỏi khái niệm, kiến thức thông qua các hoạt động trải nghiệm thực tế với các học cụ, mô hình mang tính chất khám phá, xây dựng, hơn là học theo chỉ dẫn trực quan.

Dự kiến các dự án STEAM của các khối sẽ thực hiện trong năm học:

| Tháng | Chủ đề | Nội dung tổ chức các hoạt động tiếp cận phương pháp giáo dục STEAM theo độ tuổi | | | |
|----------|----------------|---|--|--|---|
| | | Nhà trẻ 24 – 36 tháng | Mẫu giáo 3 – 4 tuổi | Mẫu giáo 4 – 5 tuổi | Mẫu giáo 5 - 6 tuổi |
| Tháng 9 | Trường Mầm non | + Thiết kế đồ chơi + Làm bánh trung thu | + Thiết kế đèn trung thu + HVĐ: Cô và mẹ + Đồng dao: Chú cuội | + Thiết kế đèn trung thu + Cổng chào mừng khai giảng; + Thiết kế vở học tập cho năm mới; + Thiết kế hộp bút cho năm học mới; + TCCC: o,ô,ơ | + Thiết kế trồng mùa lân + Thiết kế bảng thời khóa biểu treo tường... + Làm bập bênh từ NVL tái chế + Tạo cầu trượt từ đĩa giấy + LQCC: o,ô,ơ |
| Tháng 10 | Bản thân | + Trang trí trang phục bạn trai, bạn gái + Cảm xúc của bé + Làm thiệp tặng bà tặng mẹ | + Làm các quà tặng bà, tặng mẹ + Dán người từ các hình + Tạo khuôn mặt biểu lộ cảm xúc từ đĩa bánh sinh nhật | + Khám phá 5 giác quan + Thiết kế đôi dép + Thiết kế kẹp tóc, dây cột tóc + Làm quà tặng bà, tặng mẹ | + Thiết kế bảng tên của bé; + Thiết kế khung ảnh của bé... + Thiết kế bàn tay robot; + Thiết kế mắt kính; + Thiết kế |

| | | | | | |
|----------|-------------|--|---|---|---|
| | | | | | khẩu trang... + Khám phá 5 giác quan + Làm quà tặng bà, tặng mẹ |
| Tháng 11 | Gia đình | + Trò chuyện về mẹ của bé + Thiết kế quà tặng cô giáo + Trang trí ảnh gia đình | + Thiết kế hộp quà tặng cô giáo + TC về ngày 20-11 + Trang trí áo tặng mẹ | + Trò chuyện về ngày 20/11 + Thiết kế nhà 2 tầng + Thiết kế khung ảnh gia đình | + Trò chuyện về ngày 20/11 + Làm tủ quần áo + Thiết kế giá đọc sách tặng Bố; + Thiết kế bàn ăn gia đình; + Thiết kế sân khấu chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 |
| Tháng 12 | Nghề nghiệp | + Trang trí quà tặng chú bộ đội + Quan sát đồ dùng của các cô giáo | - Thiết kế tai nghe - Vẽ quà tặng chú bộ đội | + thiết kế quà tặng chú bộ đội + Thiết kế cầu; + Thiết kế ống nghe + Trang phục trình diễn | + Thiết kế mũ + Thiết kế áo ngực trang + Thiết kế súng bằng be chấu + thiết kế quà tặng chú bộ đội |

| | | | | | |
|---------|-------------------|--|---|--|--|
| | | | | + Bé làm bác nông dân + LQCC: u,ư | + LQCC: u,ư |
| Tháng 1 | Thế giới động vật | + Tạo hình tranh con vật bằng lá cây + Tạo hình tranh con vật bằng hột hạt... | + Làm con trâu bằng lá + Làm khay đựng thức ăn cho động vật... | + Tạo hình tranh con vật bằng lá cây + Tạo hình tranh con vật bằng hột hạt... | + Thiết kế mô hình các con côn trùng (làm các con côn trùng bỏ vào mô hình nơi nó sống) + Chuồng chim, tổ chim. + Làm tranh các con vật bằng hột hạt, rơm . + Làm các con vật bằng bìa cát tông và lá cây. + In hình bàn tay và vẽ thêm chi tiết tạo hình thành con chim. + Ghép và tạo hình các con vật sống trong rừng bằng thân |

| | | | | | |
|---------|-------------------|--|--|--|---|
| | | | | | cây cảnh cây khô + Thiết kế vòng đời của sâu bướm/con gà/ếch. |
| Tháng 2 | Thế giới thực vật | + Làm khung tranh cánh hoa + Thí nghiệm sự đổi màu cánh hoa + Bày mâm ngũ quả... | + Thiết kế bình tưới cây + Thiết kế chậu trồng hoa + Thí nghiệm hoa nở + Trang trí bao lì xì... | + Làm khung tranh cánh hoa + Thí nghiệm sự đổi màu cánh hoa + Bày mâm ngũ quả... | + Quá trình phát triển của cây từ hạt. + Tao hình cảnh đào từ vân tay Làm cảnh hoa đào; + Sáng tạo cảnh đào bằng cách thổi màu nước + Làm pháo hoa từ vân tay + Gói bánh chưng + Làm chả cuốn + Tô chữ thư pháp + Làm pháo từ các nguyên liệu khác nhau |

| | | | | | |
|------------|---|--|---|--|---|
| Tháng 3 | Phương Tiện luật lệ giao thông | + Thiết kế đèn giao thông + Trang trí thiệp tặng bà, tặng mẹ... | + Làm 1 số PTGT bằng các nguyên vật liệu + Làm thiệp tặng bà, tặng mẹ ... | + Thiết kế đèn giao thông + Trang trí thiệp tặng bà, tặng mẹ... | + Thiết kế đèn giao thông; + Thiết kế biển báo giao thông; + Thiết kế mũ bảo hiểm bằng 1/2 quả bóng; + Thiết kế áo phao khi tham gia đường thủy, phao cứu sinh... |
| Tháng 4 | Nước - Hiện tượng tự nhiên | + Thí nghiệm sự hoà tan của nước... + Nặn cầu vòng | + Làm chong chóng + Làm bè nổi trên mặt nước... + Nặn cầu vòng | + Thí nghiệm sự hoà tan của nước... + Nặn cầu vòng + Thiết kế máy lọc nước mini | + Thí nghiệm sự hoà tan của nước... + Làm bè nổi + Thiết kế cầu vòng + Thiết kế chong chóng + Làm thùng rác thông minh |
| Tháng 5 | Quê huong - Đất nước - Bác Hồ | + Trang trí khung ảnh Bác... + Thiết kế quà tặng Bác | + Làm điều giấy... + Lễ hội ẩm thực.... + Thiết kế quà tặng Bác | + Trang trí khung ảnh Bác... + Thiết kế quà tặng Bác | + Thiết kế quà tặng Bác Hồ + Thiết kế ảnh Bác + Thiết kế lăng Bác |

IV. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG

1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung, chủ đề giáo dục.

- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.

- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.

- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.

- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.

- Khu phát triển thể chất.

2. Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.

- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.

- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

E. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

I. ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY

1. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

II. ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN

1. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.

- Đánh giá mức độ phát triển thể chất cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

1. Mục tiêu- Nội dung giáo dục độ tuổi MG 3 - 4 tuổi

| Mục tiêu giáo dục | Nội dung giáo dục |
|--|--|
| 1.Lĩnh vực phát triển thể chất. | |
| 1.1.Phát triển vận động | |
| MT1: Trẻ thực hiện đầy đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn. | <ul style="list-style-type: none"> + Thể dục buổi sáng. + Thể dục phát triển vận động. (Tại phần tập bài tập phát triển chung) - Hô hấp: hít vào, thở ra - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên; + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi người phía trước. + Quay sang trái, quay sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. |

| | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân. |
| <p>MT2. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động Đi/chạy</p> <p>- Trẻ kiểm soát vận động Đi/chạy</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Đi và chạy + Đi kiễng gót + Đi trong đường hẹp + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. (nhANH, chậm) + Đi, chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc. |
| <p>MT3. Trẻ biết phối hợp tay - mắt và thực hiện trong vận động tung, ném, bắt.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Tung, ném, bắt: + Lăn, đập, tung bắt bóng với cô + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Ném xa bằng 1 tay + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc |
| <p>MT4. Trẻ biết thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập bật, nhảy.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Bật - nhảy: + Bật tại chỗ + Bật về phía trước. + Bật xa 20 - 25 cm |
| <p>MT5. Trẻ biết phối hợp tay, chân, mắt trong vận động bò, trườn, trèo.</p> <p>- Thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Bò, trườn, trèo: + Bò, trườn theo hướng thẳng, dích dắc + Bò chui qua cổng. + Trườn về phía trước + Bước lên, xuống bục cao (cao 30cm) |
| <p>MT6. Trẻ thực hiện được các vận</p> | <ul style="list-style-type: none"> + Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón |

| | |
|--|--|
| <p>động</p> <p>- Trẻ biết phối hợp với cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động</p> | <p>tay, cổ tay, cuộn cổ tay.</p> <p>+ Đan, tết.</p> <p>+ Xếp chồng các hình khối khác nhau</p> <p>+ Xé, dán giấy</p> <p>+ Sử dụng kéo, bút</p> <p>+ Tô vẽ nguệch ngoạc</p> <p>+ Cài, cởi cúc áo</p> |
| <p>MT7: Trẻ biết phối hợp với cử động cổ tay, bàn tay, ngón tay phối hợp tay, mắt khi thực hiện thao tác với chuột máy tính và các thiết bị số.</p> | <p>+ Ấn, bấm di chuyển chuột máy tính, laptop, ipad, smart phone</p> |
| <p>1.2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</p> | |
| <p>MT8. Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, cau,...)</p> <p>- Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau,...</p> <p>Trẻ biết ăn để chóng lớn khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn.</p> | <p>+ Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc</p> <p>+ Nhận biết các món ăn trong bữa ăn hàng ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.</p> <p>+ Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)</p> |
| <p>MT9. Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn:</p> <p>- Rửa tay, lau mặt, súc miệng</p> <p>- Tháo tất, cởi quần áo,..</p> <p>- Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc</p> | <p>+ Làm quen với cách đánh răng, lau mặt.</p> <p>+ Tập rửa tay bằng xà phòng.</p> <p>+ Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.</p> <p>+ Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, không đổ thức ăn.</p> |

| | |
|--|---|
| đúng cách. | + Tập một số kĩ năng tốt về việc sử dụng đồ dùng. |
| MT10. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống, vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. | + Uống nước đã đun sôi + Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, VS môi trường đối với sức khỏe con người.. + Nhận biết trang phục theo thời tiết. + Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. |
| MT11. Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở. | + Nhận biết và phòng tránh những vận dụng nguy hiểm đến tính mạng. + Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. |
| MT12:Trẻ biết tránh những nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi,..) khi được nhắc nhở. | + Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn + Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. |
| MT13: Trẻ biết một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt,.. - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không Theo người lạ ra khỏi khu vực trường học | + Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm + Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. |

| 2. Lĩnh vực phát triển nhận thức. | |
|--|--|
| 2.1 Khám phá khoa học | |
| MT14: Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng. | <ul style="list-style-type: none"> + Một số hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. + Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm + Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày + Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày |
| MT15. Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. | + Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. |
| MT16. Trẻ thích làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. | <ul style="list-style-type: none"> + Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày + Một vài đặc điểm, tính chất của đất đá cát, sỏi |
| MT17. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng. - Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật. | <ul style="list-style-type: none"> + Đặc điểm, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. + Tên, đặc điểm, công dụng của 1 số PTGT quen thuộc + Đặc điểm nổi bật và ích lợi của cây cối, hoa, quả, quen thuộc. + Phân loại 4 nhóm thực phẩm + Xem tranh ảnh trò chuyện về Bác Hồ |
| MT18. Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện | + Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng |

| | |
|---|---|
| <p>tượng quen thuộc khi được hỏi.</p> <p>- Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát và sự gợi mở của cô giáo</p> | |
| <p>MT19. Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình</p> | <p>Cách chăm sóc, bảo vệ con vật, cây</p> |
| <p>MT20: Trẻ khám phá khoa học qua các video clip, hình ảnh trên các nền tảng số</p> | <p>+ Xem các Video clip, hình ảnh</p> |
| <p>2.2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</p> | |
| <p>MT21. Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.</p> <p>- Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.</p> | <p>- Một và nhiều</p> <p>- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.</p> |
| <p>MT22. Trẻ biết so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.</p> | <p>- So sánh về số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5.</p> |
| <p>MT23. Trẻ biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.</p> | <p>- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm.</p> |
| <p>MT24: Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.</p> | <p>- Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.</p> |
| <p>MT25: Trẻ nhận ra quy tắc đơn</p> | <p>- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi</p> |

| | |
|---|--|
| giản (mẫu) và sao chép lại. | - Xếp xen kẽ |
| MT26. Trẻ biết so sánh đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau. | - So sánh 2 đối tượng về kích thước. |
| MT27. Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình: hình tròn, vuông, tam giác, chữ nhật | - Nhận biết gọi tên hình tròn, hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình, hình học để lắp ghép. |
| MT28. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân | - Nhận biết phía trên-phía dưới, phía trước-phía sau, tay phải-tay trái của bản thân |
| MT29. Trẻ nhận ra và biết lựa chọn, sắp xếp các đồ vật theo màu sắc, kích cỡ, chất liệu, hình dáng, đặc điểm...trên các nền tảng số | + Đánh dấu, đổi vị trí đồ vật, con vật, cây cối + Tô màu, chọn màu đồ vật, con vật, cây cối + Sắp xếp kích cỡ, chất liệu, hình dáng đồ vật, con vật, cây cối |
| 2.3. Khám phá xã hội | |
| MT30. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện | - Tên tuổi, giới tính của bản thân. |
| MT31. Trẻ biết được tên của bố mẹ và các thành viên trong GD. Trẻ nói được địa chỉ gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. | - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình |
| MT32. Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, | - Tên trường, lớp của bé - Tên lớp, biết tên cô giáo, công việc của cô |

| | |
|---|---|
| đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. | giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. |
| MT33: Trẻ biết kể tên và nói được sản phẩm của 1 số nghề phổ biến (nghề nông, nghề xây dựng,...) khi được hỏi, xem tranh. | - Tên gọi sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến. |
| MT34. Trẻ biết kể tên một số ngày hội: ngày khai giảng, Tết trung thu,... qua trò chuyện, tranh ảnh.. | + Ngày quốc khánh. + Ngày hội đến trường của bé. + Ngày tết thiếu nhi 1/6 + Ngày tết trung thu. + Ngày tết cổ truyền của dân tộc. + Ngày 20 tháng 11. + Ngày 22/12. |
| MT35. Trẻ kể tên được một số danh lam, thắng cảnh của địa phương. | - Cờ tổ quốc - Tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương. |
| MT36. Trẻ khám phá xã hội thông qua các video clip trên nền tảng số | + Xem các video clip, hình ảnh qua các nền tảng số |
| 3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ | |
| MT37. Trẻ thực hiện được những yêu cầu đơn giản. | - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. |
| MT38: Trẻ hiểu nghĩa của từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả... | - Hiểu các từ đơn giản chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc. |
| MT39: Trẻ lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại. | - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. |

| | |
|---|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. |
| <p>MT40. Trẻ nói rõ các tiếng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... - Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép | <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các tiếng của tiếng Việt. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? |
| <p>MT41. Trẻ kể lại được những việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim,...</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Kể lại sự việc. |
| <p>MT42. Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. |
| <p>MT43. Trẻ biết kể lại truyện đơn giản đã được nghe có sự giúp đỡ của người lớn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện | <ul style="list-style-type: none"> - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên. |
| <p>MT44. Trẻ biết sử dụng các từ: “Vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa” trong giao tiếp.</p> <p>Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. |
| <p>MT45. Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa | <ul style="list-style-type: none"> - Xem, nghe đọc các loại sách khác nhau. - Tiếp xúc với chữ, sách truyện - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng |

| | |
|---|--|
| và gọi tên nhân vật trong tranh. | trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ qua các dấu câu - Cầm sách đúng chiều, mở sách ra xem tranh và “đọc” truyện. - Trẻ giữ gìn, bảo vệ sách |
| MT46. Trẻ thích vẽ, “viết” nguệnh ngoạc. | - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) |
| MT47. Trẻ hiểu và trình bày nội dung các kí hiệu trên nền tảng số | + Nhận dạng 1 số kí hiệu, chữ cái, chữ số thông thường khi thao tác trên các phần mềm, bảng tương tác hay các nền tảng số |
| 4. Lĩnh vực PTTCXH | |
| MT48. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Trẻ nói được những điều bé thích, không thích. | - Tên tuổi, giới tính. - Những điều bé thích, không thích. |
| MT49. Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. | - Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. |
| MT50. Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...) | - Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao |
| MT51. Trẻ nhận ra cảm xúc: Vui, buồn sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh. Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận. | - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói: Trò chơi, hát, vận động. |

| | |
|---|---|
| MT52. Trẻ nhận ra và biểu lộ những cảm xúc vui – buồn qua các video clip | + Nhận biết một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua các video clip trên nền tảng số |
| MT53. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. | - Kính yêu Bác Hồ. |
| MT54. Trẻ biết quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. | - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. |
| MT55. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ. | - Một số quy định ở lớp và gia đình (Đề đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. |
| MT56. Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở. - Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói. | - Cử chỉ, lời nói, lễ phép. (Chào hỏi; cảm ơn) - Nhận biết hành vi “đúng”, “sai”, “tốt”- “xấu”. - Chú ý nghe khi cô, bạn nói. |
| MT57. Trẻ thích cùng chơi với bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ. | - Chơi hòa thuận với bạn. - Chờ đến lượt. |
| MT58. Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây, con vật | - Bảo vệ chăm sóc cây cối, con vật |
| MT59. Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định. | - Giữ gìn vệ sinh môi trường. |
| MT60. Trẻ biết không để tràn | - Tiết kiệm điện, nước. |

| | |
|--|---|
| nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng | |
| 5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ | |
| <p>MT61. Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng</p> <p>- Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình</p> | - Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật. |
| <p>MT62. Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.</p> | - Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca). |
| <p>MT63. Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.</p> <p>- Trẻ vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).</p> | <p>- Hát đúng giai điệu lời ca của bài hát.</p> <p>- Vận động đơn giản theo giai điệu của các bài hát, bản nhạc.</p> <p>- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.</p> |
| <p>MT64. Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.</p> | - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc |
| <p>MT65. Trẻ biết sử dụng các công cụ công nghệ để hiện các tác</p> | + Sử dụng các kỹ năng di chuột, tương tác với các công cụ công nghệ để vẽ, tô màu |

| | |
|--|--|
| <p>phẩm tạo hình, thể hiện các giai điệu, lời ca qua các thiết bị thu âm, micro...</p> | <p>+ Sử dụng các thiết bị thu âm, tai phone, micro để hát, thể hiện các bản nhạc beat, karaoke...</p> |
| <p>MT66. Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu tự nhiên qua kỹ năng tạo hình để tạo ra sản phẩm đẹp theo sự gợi ý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết tạo ra các sản phẩm theo ý thích - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm tạo hình - Nhận xét SP tạo hình - Tạo ra các sản phẩm theo ý thích - Đặt tên cho sản phẩm của mình |
| <p>MT67. Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tô màu tạo thành bức tranh đơn giản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết nhận xét các SP tạo hình - Trẻ biết tạo ra các sản phẩm theo ý thích - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng một số kỹ năng vẽ, tô màu để tạo ra sản phẩm đơn giản. - Nhận xét SP tạo hình - Tạo ra các sản phẩm theo ý thích - Đặt tên cho sản phẩm của mình |
| <p>MT68. Trẻ biết cắt xé theo dải, xé vụn, và dán thành các sản phẩm đơn giản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo sản phẩm có cấu trúc đơn giản. - Trẻ biết nhận xét các SP tạo hình. - Trẻ biết tạo ra các sản phẩm theo ý thích - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng một số kỹ năng cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản. - Nhận xét SP tạo hình - Tạo ra các sản phẩm theo ý thích - Đặt tên cho sản phẩm của mình |
| <p>MT69. Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản |

| | |
|---|---|
| ấn dẹt đất nặn để tạo thành các SP có 1 khối hoặc 2 khối. - Trẻ biết nhận xét các SP tạo hình - Trẻ biết tạo ra các sản phẩm theo ý thích - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình | phẩm đơn giản. - Nhận xét SP tạo hình - Tạo ra các sản phẩm theo ý thích - Đặt tên cho sản phẩm của mình |
| MT70: Trẻ biết phối hợp kỹ năng in nhúng màu nước tạo ra các SP có hình dáng hài hòa, bố cục cân đối - Trẻ biết nhận xét các SP tạo hình - Trẻ biết tạo ra các sản phẩm theo ý thích - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình | - Phối hợp các kỹ năng nhúng ngón tay để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét, bố cục. - Tạo ra các sản phẩm theo ý thích - Đặt tên cho sản phẩm của mình |

2. Mục tiêu và nội dung giáo dục khối mẫu giáo 4 – 5 tuổi

| Mục tiêu giáo dục | Nội dung giáo dục |
|---|---|
| 1. Lĩnh vực phát triển thể chất. | |
| 1.1. Phát triển vận động | |
| MT1. Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh. | * Thể dục buổi sáng. * Thể dục phát triển vận động. (Tại phần tập bài tập phát triển chung). - Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). - Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào |

| | |
|--|--|
| | <p>nhau (phía trước, phía sau, trên đầu).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, quay sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ + Đứng, lần lượt từng chân, co cao đầu gối. |
| <p>MT2. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi – chạy.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ kiểm soát vận động khi đi - chạy. + Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m. + Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích dắc) | <ul style="list-style-type: none"> - Đi: + Đi bằng gót chân, đi khụy gối, đi lùi + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn + Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc(đổi hướng) theo vật chuẩn - Chạy: + Chạy 15m trong khoảng 10s. + Chạy chậm 60-80 m |
| <p>MT3. Trẻ biết phối hợp tay-mắt và thực hiện trong vận động tung, ném, bắt.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Tung, ném, bắt: + Đập và bắt bóng tại chỗ. |

| | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> + Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3m) + Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2m) + Tự đập bắt bóng được 4 – 5 lần liên tiếp. | <ul style="list-style-type: none"> + Tung bắt bóng với người đối diện + Tung bóng lên cao và bắt bóng + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay + Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân |
| <p>MT4. Trẻ biết thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập bật, nhảy.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Bật, nhảy: + Bật – nhảy từ trên cao xuống (30 - 35cm) + Bật liên tục về phía trước. + Bật xa 35 - 40 cm. + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô + Bật qua vật cản cao 10-15cm. + Nhảy lò cò 3m. |
| <p>MT5. Trẻ biết thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập bò, trườn, trèo</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay, bàn chân 3-4 m + Bò đích dắc qua 5 điểm + Bò chui qua cổng. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6cm + Trườn theo hướng thẳng + Trèo lên xuống thang 5 giống + Trèo qua ghế dài 1,5 x |

| | |
|---|--|
| | 30cm |
| <p>MT6. Trẻ biết thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp</p> <p>+ Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 15 giây.</p> <p>+ Ném trúng đích nằm ngang (xa 2m)</p> | <p>+ Bật qua vạch cản – ném xa, ném trúng đích.</p> <p>+ Bò chui qua cổng – bật liên tục về phía trước</p> <p>+ Đi trong đường hẹp - ném xa, ném trúng đích...</p> |
| <p>MT7. Trẻ thực hiện được các vận động của ngón tay, cổ tay:</p> <p>-Trẻ biết phối hợp với cử động bàn tay, ngón tay phối hợp tay, mắt trong một số hoạt động:</p> <p>+ Cuộn – xoay tròn cổ tay.</p> <p>+ Gập, mở các ngón tay.</p> <p>+ Vẽ hình người, nhà, cây.</p> <p>+ Cắt thành thạo theo hướng thẳng.</p> <p>+ Xây dựng, lắp ráp với 10 – 12 khối.</p> <p>+ Biết tết sợi đôi.</p> <p>+ Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.</p> | <p>+ Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vè véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nói.</p> <p>+ Gập giấy</p> <p>+ Lắp ghép hình</p> <p>+ Xé, cắt đường thẳng</p> <p>+ Tô, vẽ hình</p> <p>+ Cài, cởi cúc, khâu buộc dây</p> |
| <p>MT8: Trẻ biết phối hợp với cử động cổ tay, bàn tay, ngón tay phối hợp tay, mắt khi thực hiện thao tác với chuột máy tính và các thiết bị số.</p> | <p>+ Ấn, bấm di chuyển chuột máy tính, laptop, ipad, smart phone</p> |
| 1.2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe | |
| <p>MT9. Trẻ biết nhận biết một số thực phẩm cùng nhóm.</p> <p>+ Thịt, cá... có nhiều chất đạm.</p> <p>+ Rau, quả chín có nhiều vitamin.</p> | <p>+ Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng)</p> |
| <p>MT10. Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu</p> | <p>+ Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.</p> |

| | |
|---|---|
| cháo... | |
| MT11. Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng. | <ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn đủ lượng, đủ chất. + Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, béo phì, suy dinh dưỡng) |
| <p>MT12. Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. + Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. | <ul style="list-style-type: none"> + Tập đánh răng, lau mặt. + Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định |
| <p>MT13. Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, không đổ thức ăn.</p> <p>- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống.</p> | <ul style="list-style-type: none"> + Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, không đổ thức ăn. + Tập một số kỹ năng tốt về việc sử dụng đồ dùng. + Mời cô và bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ. + Không uống nước lã. + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. |
| <p>MT14. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, đi giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt. | <ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. |

| | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Bỏ rác đúng nơi quy định. | <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. |
| <p>MT15. Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không nên đến gần. Biết không nên nghịch các vật sắc nhọn không nên nghịch.</p> | <ul style="list-style-type: none"> + Tìm hiểu những đồ vật có thể gây nguy hiểm có ở môi trường xung quanh. + Không đến gần những đồ vật nguy hiểm + Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng |
| <p>MT16: Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, nương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.</p> | <ul style="list-style-type: none"> + Nhận ra và phòng tránh những nơi không an toàn, những nơi nguy hiểm ở xung quanh. (ao, hồ, nương nước, bể chứa nước..) |
| <p>MT17: Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và tránh những tác hại của việc cười đùa trong ăn uống và khi ăn các loại hạt, các loại quả có hạt... - Biết không lên ăn thức ăn có mùi ôi, không ăn lá, quả lạ... không uống rượu bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không ra khỏi trường khi không được cô giáo cho | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng |

| | |
|--|---|
| phép. | |
| <p>MT18. Trẻ nhận ra 1 số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết. | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. |
| <p>2. Lĩnh vực phát triển nhận thức.</p> <p>2.1. Khám phá khoa học.</p> | |
| <p>MT19. Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo?”; “Vì sao lá cây bị ướt?”...</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó |

| | |
|---|---|
| | với cuộc sống con người, con vật và cây. |
| MT20. Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm,... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. | + Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. + Đặc điểm, công dụng, cách sử dụng đồ dùng đồ chơi. + Một số mối liên hệ đơn giản, đặc điểm cấu tạo và cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc. |
| MT21. Trẻ thích làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh. | + Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. + Một số đặc điểm, tính chất của nước. |
| MT22. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện. | + Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. + Xem tranh ảnh, trò chuyện về Bác Hồ |
| MT23. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu. | + Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu. + Phân loại cây, hoa quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu + Phân loại 4 nhóm thực phẩm theo 1-2 dấu hiệu |
| MT24. Trẻ biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, | + Một số đặc điểm, tính chất |

| | |
|--|--|
| hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/muối nên nước ngọt/mặn hơn”. | của nước, đất, đá, cát, sỏi. |
| MT25. Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn. | <ul style="list-style-type: none"> + Một số mối liên hệ đơn giản, đặc điểm cấu tạo và cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc. + Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. |
| MT26. Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. | <ul style="list-style-type: none"> + Một số phương tiện giao thông. + Lợi ích của những phương tiện giao thông. + Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. + So sánh sự giống và khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi. + So sánh sự giống nhau và khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả |
| MT27. Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình: | <ul style="list-style-type: none"> + Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. + Quan sát, phán đoán mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. |
| MT28: Trẻ khám phá khoa học qua các video clip, | + Xem các Video clip, hình |

| | |
|--|---|
| hình ảnh trên các nền tảng số | ảnh |
| 2.2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán. | |
| MT29. Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng trong như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: “Bao nhiêu?”, “Là số mấy?”... -Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 | + Nhận biết số lượng và đếm + Nhận biết 1 và nhiều + Đếm theo khả năng + Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. |
| MT30: Trẻ biết so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. | + So sánh về số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10. |
| - MT31: Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. | - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm. |
| - MT32: Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn. | - Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. |
| MT33. Trẻ sử dụng các số từ 1- 5 để chỉ số lượng, số thứ tự | + Chữ số, số lượng và số thứ tự trong PV5 |
| MT34. Trẻ nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. | + Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe...) |
| MT35. Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại. | + Xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi + So sánh, phát hiện ra quy tắc và sắp xếp theo quy tắc. |
| MT36. Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so | + Đo độ dài bằng 1 đơn vị đo. |

| | |
|---|--|
| sánh. | + Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo. |
| MT37. Trẻ biết so sánh 2,3 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to nhất, nhỏ nhất, cao nhất, thấp nhất. | + So sánh chiều cao của 2,3 đối tượng. + So sánh độ lớn của 2,3 đối tượng. |
| MT38. Trẻ biết chỉ ra các điểm giống và khác nhau giữa hai hình: (hình tròn, hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật.) - Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản. | + So sánh hình tròn và hình tam giác. Hình vuông và hình chữ nhật. + Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. |
| MT39. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. | + Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác. (phía trên, dưới, phía trước, phía sau, phía phải, phía trái) |
| MT40. Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày. | + Nhận biết các buổi sáng, trưa, chiều, tối |
| MT41: Trẻ biết lựa chọn, sắp xếp các đồ vật theo màu sắc, kích cỡ, chất liệu, hình dáng, đặc điểm...trên các nền tảng số | + Đánh dấu, đổi vị trí đồ vật, con vật, cây cối + Tô màu, chọn màu đồ vật, con vật, cây cối + Sắp xếp kích cỡ, chất liệu, hình dáng đồ vật, con vật, cây cối |
| 2.3. Khám phá xã hội. | |
| MT42. Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. | + Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của |

| | |
|---|--|
| | bản thân trẻ. |
| MT43. Trẻ nói được tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình. Một số nhu cầu gia đình, địa chỉ gia đình. - Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện. | + Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. + Địa chỉ gia đình. |
| MT44: Trẻ nói tên và địa chỉ của trường, lớp; Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. | +Tên, địa chỉ của trường, lớp. + Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. |
| MT45: Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. | + Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. |
| MT46. Trẻ kể được tên, công cụ, sản phẩm/ lợi ích của 1 số nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương khi được hỏi, trò chuyện. | + Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến và nghề truyền thống của địa phương |
| MT47. Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm một số ngày lễ hội. | + Biết được ngày hội, ngày lễ. + Ngày quốc khánh. + Ngày hội đến trường của bé. + Ngày tết thiếu nhi 1/6 + Ngày tết trung thu. + Ngày tết cổ truyền của dân tộc. + Ngày 20 tháng 11. +Ngày 22/12. |

| | |
|--|--|
| MT48: Trẻ kể tên và nêu được một số đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử của địa phương. | + Đặc điểm nổi bật của một số di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương |
| 49. Trẻ khám phá xã hội thông qua các video clip trên nền tảng số | + Xem các video clip, hình ảnh qua các nền tảng số |
| 3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ. | |
| MT50: Trẻ thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp. ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”. | + Hiểu và làm theo 2-3 yêu cầu liên tiếp của người khác. |
| MT51: Trẻ hiểu các từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ... | + Trẻ hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. |
| MT52: Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. | + Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. + Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi + Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao... phù hợp với độ tuổi |
| MT53. Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... | + Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. + Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm phù hợp từng tình huống |
| MT54. Trẻ sử dụng được các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định. | + Bày tỏ nhu cầu tình cảm hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. |

| | |
|---|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> + Trả lời và đặt câu hỏi: “Ai”; “Cái gì”; “Ở đâu?”, “Khi nào?”, “Để làm gì?” |
| MT55. Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, hò vè. | <ul style="list-style-type: none"> + Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. |
| <p>MT56. Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện. Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.</p> <p>-Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự. Kể chuyện có mở đầu và kết thúc</p> | <ul style="list-style-type: none"> + Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. + Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. + Đóng kịch. + Kể lại chuyện đã được nghe |
| MT57: Sử dụng các từ như “ mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi” trong giao tiếp | <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép + Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp |
| <p>MT58: Trẻ biết chọn sách để xem. Cầm sách đúng chiều giờ từng trang để xem tranh ảnh</p> <p>- Mô tả các hành động của các nhân vật trong tranh.</p> | <ul style="list-style-type: none"> + Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. + Làm quen với cách đọc tiếng việt: <ul style="list-style-type: none"> - Hướng đọc: từ trái -> phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Đọc ngắt nghỉ sau các dấu. + Giữ gìn và bảo vệ sách. + Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. + “Đọc” truyện qua tranh vẽ. |

| | |
|--|--|
| <p>MT59. Trẻ biết nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống : nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...</p> | <p>+ Làm quen với 1 số kí hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường dành cho người đi bộ...</p> |
| <p>MT60. Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết” : Tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,...</p> | <p>+ Nhận dạng 1 số chữ cái. + Tập tô, tập đồ các nét chữ.</p> |
| <p>MT61 : Trẻ hiểu và trình bày nội dung các kí hiệu trên nền tảng số</p> | <p>+ Nhận dạng 1 số kí hiệu, chữ cái, chữ số thông thường khi thao tác trên các phần mềm, bảng tương tác hay các nền tảng số</p> |
| <p>4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội.</p> | |
| <p>MT62. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ - Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được</p> | <p>+ Tên, tuổi, giới tính, + Sở thích, khả năng của bản thân.</p> |
| <p>MT63. Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. - Cố gắng hoàn thành công việc được giao.</p> | <p>+ Sở thích, khả năng của bản thân. + Cố gắng hoàn thành công việc được giao.</p> |
| <p>MT64. Trẻ nhận biết cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh. - Trẻ biết biểu lộ cảm xúc, vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.</p> | <p>+ Nhận biết một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh. + Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử</p> |

| | |
|---|---|
| | chỉ, giọng nói, trò chơi: hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình. |
| MT65: Trẻ nhận ra và biểu lộ những cảm xúc vui – buồn qua các video clip | + Nhận biết một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua các video clip trên nền tảng số |
| MT66. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ. Thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. | + Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ. + Kể chuyện, hát, đọc thơ về Bác. Cùng cô kể chuyện về Bác. + Kính yêu Bác Hồ |
| MT67. Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. | + Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. |
| MT68. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố, mẹ | + Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). |
| MT69 Trẻ biết chú ý nghe khi cô và bạn nói. Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, lễ phép. Chú ý khi nghe cô và bạn nói. | + Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ, lễ phép. |
| MT70. Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở. - Trẻ biết trao đổi, thảo luận với bạn bè để cùng thực hiện HĐ chung (chơi, trực nhật) | + Chờ đến lượt, hợp tác. + Quan tâm, giúp đỡ bạn cùng chơi. + Phân biệt hành vi đúng, sai, tốt, xấu. |

| | |
|--|---|
| MT71. Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc | + Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối. |
| MT72: Trẻ Biết bỏ rác đúng nơi quy định. | + Giữ gìn vệ sinh môi trường. |
| MT73: Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt và điện khi ra khỏi phòng. | + Tiết kiệm điện, nước |
| 5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ. | |
| MT74. Trẻ biết vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm, nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. + Trẻ thích thú ngắm, nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình về (màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình | + Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. |
| MT75. Trẻ biết sử dụng các công cụ công nghệ để hiện các tác phẩm tạo hình, thể hiện các giai điệu, lời ca qua các thiết bị thu âm, micro... | + Sử dụng các kỹ năng di chuột, tương tác với các công cụ công nghệ để vẽ, tô màu + Sử dụng các thiết bị thu âm, tai phone, micro để hát, thể hiện các bản nhạc beat, karaoke... |
| MT76. Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện | + Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau. (nhạc thiếu nhi, dân ca) |
| MT77. Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ... - Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các | + Hát đúng giai điệu lời, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ. |

| | |
|---|---|
| <p>bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiếu tấu, múa)</p> | <p>+ Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.</p> <p>+ Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.</p> |
| <p>MT78. Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.</p> <p>+ Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.</p> | <p>+ Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.</p> <p>+ Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.</p> |
| <p>MT79. Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng,...) của các TP tạo hình.</p> <p>- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.</p> | <p>+ Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng,...) của các TP tạo hình.</p> <p>+ Phối hợp các nguyên liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.</p> |
| <p>MT80. Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.</p> <p>+ Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.</p> <p>+ Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.</p> <p>+ Đặt tên cho sản phẩm tạo hình</p> | <p>+ Sử dụng các kỹ năng vẽ, tô màu để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét.</p> <p>+ Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.</p> <p>+ Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.</p> |

| | |
|---|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> + Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét. + Đặt tên cho sản phẩm của mình. |
| <p>MT81: Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.</p> <p>- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. + Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng. + Đặt tên cho sản phẩm tạo hình | <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng các kỹ năng cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét. + Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. + Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. + Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét. + Đặt tên cho sản phẩm của mình. |
| <p>MT82: Trẻ biết làm lồm, dũa bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. + Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng. + Đặt tên cho sản phẩm tạo hình | <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét. + Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. + Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. + Nhận xét sản phẩm tạo |

| | |
|--|---|
| | <p>hình về màu sắc, hình dáng/đường nét.</p> <p>+ Đặt tên cho sản phẩm của mình.</p> |
| <p>MT83: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nhúng - in màu nước để tạo ra các sản phẩm có hình dáng, màu sắc, đường nét, bộ cục cân đối</p> <p>+ Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.</p> <p>+ Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.</p> <p>+ Đặt tên cho sản phẩm tạo hình</p> | <p>+ Sử dụng các kỹ năng nhúng bàn tay, ngón tay, lá cây để tạo ra các sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét, bộ cục hoàn chỉnh</p> |

3. Mục tiêu và nội dung giáo dục khối mẫu giáo 5 - 6 tuổi:

| Mục tiêu giáo dục | Nội dung giáo dục |
|---|--|
| 1.Lĩnh vực phát triển thể chất. | |
| 1.1.Phát triển vận động | |
| <p>MT1. Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh.</p> | <p>* Thể dục buổi sáng.</p> <p>* Thể dục phát triển vận động. (Tại phần tập bài tập phát triển chung).</p> <p>- Hô hấp: Hít vào, thở ra</p> <p>- Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân).</p> <p>- Co và duỗi từng tay kết hợp kiễng chân .Hai tay xoay tròn trước ngực, đưa lên cao)</p> <p>- Lung, bụng, lườn:</p> <p>+ Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải sang trái.</p> |

| | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> + Quay sang trái, quay sang phải.kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang chân bước sang phải sang trái. + Nghiêng người sang hai bên,kết hợp hai tay chống hông chân bước, sang phải. sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên , đưa 2 chân sang ngang, nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về phía sau. |
| <p>MT2. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể và kiểm soát được vận động trong khi thực hiện vận động đi, chạy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi/ chạy đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh | <ul style="list-style-type: none"> - Đi và chạy - Đi bằng mép ngoài bàn chân,đi khuyu gối. - Đi trên dây(dây đặt trên sàn),đi trên ván kê dốc. - Đi nôi bàn chân tiến lùi. - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy đổi hướng theo hiệu lệnh. - Trẻ chạy 18m trong khoảng 10 giây' - Chạy chậm khoảng 100- 120 m - Chạy nhanh 15m - Chạy theo đường zíc zắc |
| <p>MT3. Trẻ biết phối hợp tay, chân, mắt trong vận động bò, trườn, trèo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bò vòng qua 5 – 6 điểm đích dắc cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu. | <ul style="list-style-type: none"> - Bò, trườn, trèo. + Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5 m + Bò đích dắc qua 7 điểm + Bò chui qua , ống dài 1,5m x 06 m +Trườn kết hợp trèo qua ghé dài, 1,5m x 30 cm. |

| | |
|---|--|
| | -Trèo lên xuống 7 giống thang. |
| <p>MT4. Trẻ biết phối hợp tay – mắt và thực hiện vận động tung, ném, bắt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bắt và ném bóng với người đối diện(khoảng cách 4m) - Ném trúng đích đứng(xa 2m x cao 1,5m) - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 – 5 lần liên tiếp | <ul style="list-style-type: none"> - Tung, ném , bắt. - Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Tung, đập bắt bóng tại chỗ. - Đi và đập bắt bóng. - Ném xa bằng 1 tay,2 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay,2 tay. - Chuyển,bắt bóng qua đầu,qua chân. |
| <p>MT5. Trẻ biết thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập bật, nhảy.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Bật, nhảy. - Bật liên tục vào vòng - Bật xa 40-50cm - Bật –nhảy từ trên cao xuống (40-50cm) - Bật tách,khép chân qua 7 ô. - Bật qua vật cản 15.20cm. + Nhảy lò cò 5m. |
| <p>MT6. Trẻ thực hiện được các vận động và phối hợp cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Uốn ngón tay, bàn tay: Xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay. - Trẻ biết phối hợp với cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt. - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số | <ul style="list-style-type: none"> - Các loại cử động bàn tay,ngón tay và cổ tay. - Vẽ hình và sao chép các chữ cái,chữ số. - Bẻ, nắn. - Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét. - Cài, cởi cúc, kéo khóa(phéc mơ tuya) khâu, luồn, buộc dây). - Lắp ghép hình - Xé, cắt dán theo đường viền hình vẽ. - Tô màu kín không chòem ra ngoài đường |

| | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Cắt được các đường viền của hình vẽ - Xếp chồng được 12- 15 khối theo mẫu - Ghép và dán các hình đã cắt theo mẫu - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép kéo khoá (Phéc mơ tuya) | <p>viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dán các hình vào đúng vị trí không bị nhãn. - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu |
| <p>MT7: Trẻ biết phối hợp với cử động cổ tay, bàn tay, ngón tay phối hợp tay, mắt khi thực hiện thao tác với chuột máy tính và các thiết bị số.</p> | <p>+ Ấn, bấm di chuyển chuột máy tính, laptop, ipad, smart phone</p> |
| <p>1.2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</p> | |
| <p>MT8. Trẻ biết lựa chọn được 1 số thực phẩm khi được gọi tên theo nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực phẩm giàu chất đạm, thịt cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: Rau, quả... | <p>+ Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm .</p> |
| <p>MT9: Trẻ nói được tên 1 số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản. ,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo. | <p>- Làm quen với 1 số thao tác đơn giản trong chế biến 1 số món ăn, thức uống.</p> |
| <p>MT10. Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để</p> | <p>+ Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn đủ lượng, đủ chất.</p> |

| | |
|--|---|
| <p>khỏe mạnh, uống nhiều nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.</p> | <p>+ Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, béo phì, suy dinh dưỡng)</p> <p>+ Kể được tên một số thức ăn có trong bữa ăn hàng ngày.</p> |
| <p>MT11. Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.</p> <p>+ Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.</p> <p>+ Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định</p> <p>+ Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội, giặt nước cho sạch.</p> | <p>+ Tập luyện kỹ năng đánh răng, lau mặt.</p> <p>+ Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng.</p> <p>+ Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.</p> |
| <p>MT12: Trẻ sử dụng đồ dùng, phục vụ ăn uống thành thạo.</p> | <p>+ Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, không đổ thức ăn.</p> <p>+ Tập một số kỹ năng tốt về việc sử dụng đồ dùng.</p> |
| <p>MT13. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt.</p> <p>-Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống.</p> | <p>+ Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn,</p> <p>- Không đùa nghịch ,không làm đổ vãi thức ăn.</p> <p>+ Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.</p> <p>+ Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.</p> <p>- Không cười đùa trong ăn uống và khi ăn uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc...</p> <p>+ Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.</p> |

| | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Che miệng khi ho, hắt hơi. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Bỏ rác đúng nơi quy định |
| MT14. Trẻ biết lựa chọn và ích lợi của trang phục phù hợp với thời tiết. | <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. |
| MT15: Trẻ có 1 số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh - Ra nắng đội mũ ,đi tất ,mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... |
| MT16. Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần không nghịch các vật sắc nhọn | <ul style="list-style-type: none"> + Tìm hiểu những đồ vật có thể gây nguy hiểm có ở môi trường xung quanh. + Không đến gần những đồ vật nguy hiểm + Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng |
| MT17. Trẻ biết những nơi ao hồ, chứa nước, giếng... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần. | <ul style="list-style-type: none"> + Nhận ra và phòng tránh những nơi không an toàn, những nơi nguy hiểm ở xung quanh. (ao, hồ, mương nước, bể chứa nước..) |
| MT18. Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng: - Biết cười đùa trong khi ăn uống hoặc ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc - Biết không tự ý uống thuốc - Biết: Ăn thức ăn co mùi ôi ăn lá quả lạ dễ bị ngộ độc, uống rượu, bia, cafe, không tự ý |

| | |
|--|---|
| | uống thuốc khi không được phép |
| MT19. Trẻ nhận ra 1 số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ. | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: + Biết gọi người lớn khi gặp 1 số trường hợp khẩn cấp: Cháy, có bạn/ người rơi xuống nước , ngã chảy máu. +Trẻ biết tránh một số trường hợp không an toàn. + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh , uống nước ngọt , rủ đi chơi. +Ra khỏi nhà , khu vực trường lớp,khi không được phép của người lớn, cô giáo. + Biết được địa chỉ nơi ở,số điện thoại gia đình, người thân khi bị lạc biết hỏi , gọi người lớn giúp đỡ.. |
| MT20: Trẻ biết thực hiện một số qui định ở trường , nơi công cộng về an toàn. | <ul style="list-style-type: none"> - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên vỉa hè:Đi sang đường phải có người lớn dắt: Đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy . - Không leo trèo cây, ban công,tường rào.. |
| 2. Lĩnh vực phát triển nhận thức. | |
| 2.1. Khám phá khoa học. | |
| - MT21: Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh như: Các nguồn nước đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “Tại sao có mưa?” | <ul style="list-style-type: none"> - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa - Sự thay đổi sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Các nguồn nước trong môi trường sống |

| | |
|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Ích lợi của nước đối với đời sống con người , con vật và cây - Một số đặc điểm , tính chất của nước - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước - Không khí , các nguồn ánh sáng và sự cần thiết đối với đời sống con người , con vật và cây . |
| <p>MT22. Trẻ biết phối hợp các giác quan, xem xét và thảo luận về sự vật hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả...Và thảo luận đặc điểm của đối tượng.</p> | <ul style="list-style-type: none"> + Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. + Đặc điểm, công dụng, và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi. + Một số mối liên hệ đơn giản, đặc điểm cấu tạo và cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc. + So sánh sự giống nhau và khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả + Đặc điểm, ích lợi của ngôi nhà. |
| <p>MT23. Trẻ thích làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Nhận xét và thảo luận Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới nước, theo dõi và so sánh sự phát triển.</p> | <ul style="list-style-type: none"> + Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. + Một số đặc điểm, tính chất của nước. |
| <p>MT24. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, băng hình trò chuyện và thảo luận.</p> | <ul style="list-style-type: none"> + Đặc điểm ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả . + Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật. + Xem tranh ảnh, trò chuyện về Bác Hồ |

| | |
|---|---|
| <p>MT25. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo dấu hiệu khác nhau.</p> | <ul style="list-style-type: none"> + Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu. + Phân loại cây, hoa quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu. + Phân loại 4 nhóm thực phẩm theo 2-3 dấu hiệu. |
| <p>MT26. Trẻ biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.</p> | <ul style="list-style-type: none"> + Một số đặc điểm, tính chất của nước, đất, đá, cát, sỏi. |
| <p>MT27. Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.</p> | <ul style="list-style-type: none"> + Một số mối liên hệ đơn giản, đặc điểm cấu tạo và cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc. |
| <p>MT28: Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.</p> | <ul style="list-style-type: none"> + So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng + Một số phương tiện giao thông. + Lợi ích của những phương tiện giao thông. + Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu. |
| <p>MT29. Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình:</p> | <ul style="list-style-type: none"> + Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. + Quan sát, phán đoán mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. |
| <p>MT30: Trẻ khám phá khoa học qua các video clip, hình ảnh trên các nền tảng số</p> | <ul style="list-style-type: none"> + Xem các Video clip, hình ảnh |
| <p>2.2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.</p> | |

| | |
|---|---|
| <p>MT31. Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: Bao nhiêu, đây là mấy?</p> <p>- Đếm trên đối tượng trong PV10 và đếm theo khả năng</p> | <p>+ Đếm trong phạm vi 10</p> <p>+ Đếm theo khả năng.</p> |
| <p>MT32. Trẻ biết so sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.</p> | <p>+ So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10.</p> |
| <p>MT33: Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm</p> <p>- Trẻ biết tách 1 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau.</p> | <p>- Gộp các nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 10.</p> <p>- Tách 1 nhóm thành 2 nhóm nhỏ bằng các cách khác nhau.</p> |
| <p>MT34: Trẻ nhận biết các số từ 5 – 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự</p> | <p>- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong PV10</p> |
| <p>MT35. Trẻ nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.</p> | <p>+ Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. (Số nhà, biển số xe).</p> |
| <p>MT36. Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.</p> <p>- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp(mẫu) và sao chép lại.</p> <p>- Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.</p> | <p>+ Ghép thành cặp đối tượng có liên quan.</p> <p>+ Sắp xếp theo quy tắc.</p> <p>+ So sánh phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.</p> <p>+ Tạo ra quy tắc và sắp xếp theo quy tắc.</p> |

| | |
|--|--|
| <p>MT37. Trẻ biết sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh kết quả.</p> | <p>+ Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau.</p> <p>+ Đo độ dài các vật so sánh và diễn đạt kết quả đo.</p> <p>+ Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.</p> |
| <p>MT38. Trẻ biết so sánh 3 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to nhất, nhỏ nhất, cao nhất, thấp nhất...</p> | <p>+ So sánh chiều cao của 3 đối tượng.</p> <p>+ So sánh kích thước của 3 đối tượng.</p> |
| <p>MT39. Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.</p> | <p>+ Nhận biết gọi tên khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật và nhận dạng các khối hình trong thực tế.</p> <p>+ Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu</p> <p>+ Tạo ra 1 số hình học bằng các cách khác nhau</p> |
| <p>MT40. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.</p> | <p>+ Xác định vị trí của đồ vật (phía trước, phía sau, phía trên, phía dưới, phía phải, phía trái) so với bản thân trẻ với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.</p> |
| <p>MT41. Trẻ biết gọi tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.</p> | <p>- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.</p> <p>- Gọi tên các ngày trong tuần.</p> |
| <p>MT42: Trẻ biết lựa chọn, sắp xếp các đồ vật theo màu sắc, kích cỡ, chất liệu, hình dáng, đặc điểm...trên các nền tảng số</p> | <p>+ Đánh dấu, đổi vị trí đồ vật, con vật, cây cối</p> <p>+ Tô màu, chọn màu đồ vật, con vật, cây cối</p> <p>+ Sắp xếp kích cỡ, chất liệu, hình dáng đồ vật, con vật, cây cối</p> |

| 2.3. Khám phá xã hội. | |
|---|--|
| MT43. Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. | + Họ tên ngày sinh giới tính đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. |
| MT44. Trẻ nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình, khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình. | + Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình, qui mô gia đình(gia đình nhỏ, gia đình lớn). + Một số nhu cầu gia đình, địa chỉ gia đình. |
| MT45. Trẻ nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. -Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường và bản thân trẻ khi được hỏi, trò chuyện. | + Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non, công việc của các cô các bác ở trường. + Nói tên công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường và bản thân trẻ khi được hỏi, trò chuyện. |
| MT 46. Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề: - VD: Nghề nông dân làm ra lúa gạo, nghề xây dựng thì làm nên những ngôi nhà mới... | + Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương... |
| MT47. Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội . VD:Nói: “Ngày quốc khánh(ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên” | + Biết được ngày hội, ngày lễ của địa phương. + Ngày quốc khánh. + Ngày hội đến trường của bé. + Ngày tết thiếu nhi 1/6 + Ngày tết trung thu. + Ngày tết cổ truyền của dân tộc. |

| | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> + Ngày 20 tháng 11. + Ngày 22/12. |
| <p>MT48. Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương đất nước.</p> | <ul style="list-style-type: none"> + Tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương. + Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh của quê hương đất nước. |
| <p>MT49. Trẻ khám phá xã hội thông qua các video clip trên nền tảng số</p> | <ul style="list-style-type: none"> + Xem các video clip, hình ảnh qua các nền tảng số |
| <p>3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ.</p> | |
| <p>MT50. Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “ Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải. Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái H đứng sang bên trái.</p> | <ul style="list-style-type: none"> + Hiểu và làm được 2-3 yêu cầu liên tiếp. |
| <p>MT51. Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập..).</p> | <ul style="list-style-type: none"> + Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. |
| <p>MT52. Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.</p> | <ul style="list-style-type: none"> + Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. + Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. + Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. |

| | |
|---|--|
| <p>MT53. Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.</p> | <p>+ Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và có thanh điệu</p> |
| <p>MT54: Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm..phù hợp với ngữ cảnh.</p> | <p>+ Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. + Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.</p> |
| <p>MT55. Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,...</p> | <p>+ Bày tỏ tình cảm nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép, khác nhau. + Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: Tại sao? Có gì giống nhau? Do đâu mà có? + Đặt các câu hỏi: “Tại sao?”: “Như thế nào?”: “Làm bằng gì?”</p> |
| <p>MT56.Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao.</p> | <p>+ Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.</p> |
| <p>MT57. Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện trong nội dung truyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái của nhân vật - Trẻ biết đóng được vai của nhân vật trong truyện. - Biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh | <p>+ Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự. + Kể truyện theo đồ vật, theo tranh. + Kể lại sự việc theo trình tự. + Đóng kịch</p> |
| <p>MT58: Trẻ biết sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ,</p> | <p>+ Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép phù hợp với tình huống</p> |

| | |
|---|--|
| vâng...phù hợp với tình huống | |
| <p>MT59. Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem.</p> <p>-Trẻ biết cách “ Đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách .</p> <p>- Trẻ biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.</p> | <p>- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.</p> <p>- Hướng đọc, viết : từ trái -> phải, từ dòng trên xuống dòng dưới</p> <p>+ Làm quen với cách đọc tiếng việt :</p> <p>+ Hướng viết của các nét chữ :Đọc ngắt nghỉ sau các dấu.</p> <p>+ Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.</p> <p>+ Đọc truyện qua tranh vẽ</p> <p>+ Giữ gìn, bảo vệ sách.</p> |
| <p>MT60: Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra – vào, cấm lửa, biển báo giao thông...</p> | <p>+ Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống(nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm , biển báo giao thông:Đường cho người đi bộ)</p> |
| <p>MT61. Trẻ biết nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng việt .</p> | <p>+ Nhận dạng chữ cái .</p> |
| <p>MT 62. Trẻ biết tô, đồ các nét chữ sao chép một số ký hiệu chữ cái, tên của mình.</p> | <p>+ Tô các nét chữ.</p> <p>+ Sao chép một số ký hiệu, chữ cái tên của mình.</p> |
| <p>MT63 : Trẻ hiểu và trình bày nội dung các kí hiệu trên nền tảng số</p> | <p>+ Nhận dạng 1 số kí hiệu, chữ cái, chữ số thông thường khi thao tác trên các phần mềm, bảng tương tác hay các nền tảng số</p> |
| <p>4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội.</p> | |
| <p>MT64.Trẻ nói được họ tên, giới tính của bản thân, tên bố mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.</p> <p>- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và</p> | <p>+ Sở thích, khả năng của bản thân.</p> <p>+ Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến .</p> |

| | |
|--|---|
| việc gì bé không làm được | |
| MT65. Trẻ nói được mình có điểm giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng) | + Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. |
| MT66: Trẻ biết mình là con/cháu/anh/chị/em trong gia đình - Biết vâng lời giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức | + Vị trí trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học + Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình |
| MT67. Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi..). - Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao | + Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi..) + Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. |
| MT68. Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác). - Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. | + Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc. + Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. + Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. |
| MT69: Trẻ nhận ra và biểu lộ những cảm xúc vui – buồn qua các video clip | + Nhận biết một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua các video clip trên nền tảng số |
| MT70. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, và một số địa điểm gắn với | + Kính yêu Bác Hồ |

| | |
|--|--|
| <p>hoạt động của Bác Hồ(chỗ ở , nơi làm việc).</p> <p>- Thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.</p> | |
| <p>MT71. Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử , lễ hội một vài nét văn hóa truyền thống(trang phục , món ăn ..) của quê hương, đất nước.</p> | <p>+ Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.</p> |
| <p>MT72.Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp , gia đình và nơi công cộng: sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố, mẹ, anh chị , muốn đi chơi phải xin phép.</p> | <p>+ Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).</p> |
| <p>MT73.Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi , lễ phép. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác .</p> <p>- Biết chờ đến lượt</p> | <p>+ Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói , cử chỉ, lễ phép, lịch sự.</p> |
| <p>MT74. Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn .</p> | <p>+ Tôn trọng hợp tác chấp nhận. + Quan tâm, chia sẻ , giúp đỡ bạn.</p> |
| <p>MT75.Trẻ biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận sự nhường nhịn)</p> | <p>Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”, “sai”, “tốt”, “xấu”.</p> |

| | |
|---|--|
| MT76. Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc | + Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối |
| MT77. Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa). | + Giữ gìn vệ sinh môi trường |
| MT78. Trẻ biết tiết kiệm nước trong sinh hoạt: Tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn. | + Tiết kiệm điện, nước. |
| 5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ. | |
| MT79. Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu sử dụng các từ gợi cảm, nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. | + Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. |
| MT80: Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát bản nhạc. | + Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau. (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển) + Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc |
| MT81. Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát , nét mặt, điệu bộ , cử chỉ. - Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù | + Hát đúng giai điệu ,lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát . + Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. + Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, |

| | |
|---|--|
| <p>hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại , tiểu tấu, múa)</p> | <p>nhịp, tiết tấu.</p> |
| <p>MT82.Trẻ biết tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích + Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn .</p> | <p>+ Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc, yêu thích. + Đặt lời theo giai điệu 1 bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)</p> |
| <p>MT83. Trẻ biết sử dụng các công cụ công nghệ để hiện các tác phẩm tạo hình, thể hiện các giai điệu, lời ca qua các thiết bị thu âm, micro...</p> | <p>+ Sử dụng các kỹ năng di chuột, tương tác với các công cụ công nghệ để vẽ, tô màu + Sử dụng các thiết bị thu âm, tai phone, micro để hát, thể hiện các bản nhạc beat, karaoke...</p> |
| <p>MT84.Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm</p> | <p>+ Lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. + Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích</p> |
| <p>MT85. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. + Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. + Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng và bố cục</p> | <p>+ Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. + Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích + Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. + Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục</p> |

| | |
|--|--|
| + Đặt tên cho sản phẩm tạo hình | + Đặt tên cho sản phẩm của mình. |
| <p>MT86. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối</p> <p>- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau</p> <p>+ Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.</p> <p>+ Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng và bố cục</p> <p>+ Đặt tên cho sản phẩm tạo hình</p> | <p>+ Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.</p> <p>+ Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích</p> <p>+ Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.</p> <p>+ Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục</p> <p>+ Đặt tên cho sản phẩm của mình.</p> |
| <p>MT87. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ và bố cục cân đối.</p> <p>+ Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.</p> <p>+ Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng và bố cục</p> <p>+ Đặt tên cho sản phẩm tạo hình</p> | <p>+ Phối hợp các kỹ năng nặn, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.</p> <p>+ Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích</p> <p>+ Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.</p> <p>+ Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục</p> <p>+ Đặt tên cho sản phẩm của mình.</p> |
| <p>MT88. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nhúng - in màu nước để tạo ra các sản phẩm có hình dáng màu</p> | <p>+ Phối hợp các kỹ năng nhúng bàn tay, ngón tay, lá cây để tạo ra các sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố</p> |

| | |
|---|--|
| <p>sắc hài hòa, bố cục cân đối.</p> <p>+ Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích</p> <p>+ Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.</p> <p>+ Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục</p> <p>+ Đặt tên cho sản phẩm của mình.</p> | <p>cục cân đối..</p> <p>+ Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích</p> <p>+ Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.</p> <p>+ Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục</p> <p>+ Đặt tên cho sản phẩm của mình.</p> |
|---|--|

PHẦN VI

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN –NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG

| STT | Tên chủ đề | Chủ đề nhánh | Các sự kiện | Số tuần | Thời gian thực hiện | TT tuần |
|-----|-----------------------|---------------------------------|---|---------|---------------------|---------|
| 1 | BÉ VÀ CÁC BẠN | Ổn định tổ chức | Khai giảng Tết trung thu | 1 | 6/9 - 9/9/2023 | 1 |
| | | Nhánh 1: Các bạn của bé | | 1 | 11/9-16/9/2023 | 2 |
| | | Nhánh 2: Lớp học của bé | | 1 | 18/9 - 22/9/2023 | 3 |
| | | Nhánh 3: Bé biết nhiều điều | | 1 | 25/9 - 29/9/2023 | 4 |
| 2 | ĐỒ CHƠI CỦA BÉ | Nhánh 1: Đồ chơi quen thuộc | Ngày phụ nữ Việt | 1 | 2/10 - 6/10/2023 | 1 |
| | | Nhánh 2: Những đồ chơi bé thích | | 1 | 9 - 13/10/2023 | 2 |

| | | | | | | |
|----------|---|--|---|----------|-----------------------|----------|
| | | Nhánh 3: Đồ chơi chuyên động | Nam 20/10 | 1 | 16 - 20/10/2023 | 3 |
| | | Nhánh 4: Đồ chơi xây dựng | | 1 | 23 - 27/10/2023 | 4 |
| 3 | CÁC BÁC CÁC CÔ TRONG NHÀ TRẺ | Nhánh 1: Công việc của các bác các cô trong nhà trẻ | Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 | 1 | 30/10 - 3/11/2023 | 1 |
| | | Nhánh 2: Đồ dùng của các cô trong nhà trẻ | | 1 | 6 - 10 /11/2023 | 2 |
| | | Nhánh 3: Công việc của các bác cấp dưỡng trong nhà trẻ | | 1 | 13 - 17/11/2022 | 3 |
| | | Nhánh 4: Công việc của các bác cấp dưỡng trong nhà trẻ | | 1 | 20 - 24/11/2023 | 4 |
| 4 | BÉ VÀ GIA ĐÌNH | Nhánh 1: Mẹ của bé | | 1 | 27/11 - 1/ 12/2023 | 1 |
| | | Nhánh 2: Gia đình của bé | | 1 | 4 – 8/ 12/2023 | 2 |
| | | Nhánh 3: Một số đồ dùng trong gia đình | | 1 | 11 - 15/ 12/2023 | 3 |
| 5 | NHỮNG CON | Nhánh 1: Bé với gia súc | | 1 | 18 - 22/12/2023 | 1 |

| | | | | | | |
|----------|--------------------------------------|---|------------------------------------|----------|---------------------|----------|
| | VẬT ĐÁNG YÊU | Nhánh 2: Bé với gia cầm | Ngày thành lập QĐNDVN 22/12 | 2 | 25/12 – 29/12/2023 | 2 |
| | | Nhánh 3: Động vật sống dưới nước | | 3 | 1/1/ - 5/1/2024 | 3 |
| | | Nhánh 2: Động vật sống trong rừng | | 4 | 8/1- 12/1/2024 | 4 |
| 6 | NGÀY TẾT VÀ MÙA XUÂN | Nhánh 1: Các loại hoa ngày tết | Tết và Mùa xuân | 1 | 15/1- 19/1/2024 | 1 |
| | | Nhánh 2: Các loại quả ngày tết | | 2 | 22/01 - 26/01/2024 | 2 |
| | | Nhánh 3: Ngày tết với bé | | 3 | 29/01/ - 02/02/2024 | 3 |
| | | Nhánh 4: Mùa xuân với bé | | 4 | 05/02- 16/02/2024 | 4 |
| 7 | CÂY VÀ NHỮNG BÔNG HOA ĐẸP | Nhánh 1: Một số loại rau củ | Ngày QTPN 8/3 | 1 | 19/2- 23/2/2024 | 1 |
| | | Nhánh 2: Một số loại quả | | | 26/2- 1/3/2024 | |
| | | Nhánh 3: Các loại cây quen thuộc | | | 4 - 8/3/2024 | |
| 8 | BÉ VỚI PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG | Nhánh 1: Phương tiện giao thông đường bộ. | | 1 | 11/3- 15/3/2024 | 1 |
| | | Nhánh 2: Phương tiện giao thông đường thủy. | | 2 | 18/3 - 22/3/2024 | 2 |

| | | | | | | |
|----|------------------------|--|--------------------------------|----------------|-----------------------------|---|
| | | Nhánh 3: Phương tiện giao thông đường hàng không | | 3 | 25/3-29/3/2024 | 3 |
| | | Nhánh 4: Các loại PTGT bé thích | | 4 | 1/4 - 5/4/2024 | 4 |
| 9 | MÙA HÈ VỚI BÉ | Nhánh 1: Đồ dùng mùa hè | | 1 | 8/4-12/4/2024 | 1 |
| | | Nhánh 2: Thời tiết mùa hè | | 1 | 15/4- 19/4/2024 | 2 |
| | | Nhánh 3: Trang phục mùa hè | | 1 | 22/4– 26/4/2024 | 3 |
| 10 | BÉ LÊN MẪU GIÁO | Nhánh 1: Lớp mẫu giáo của bé | Mừng sinh nhật Bác 19/5 | 1 | 29/5-3/5/2024 | 1 |
| | | Nhánh 2: Các hoạt động của bé trong lớp | Vui tết thiếu nhi 1/6 | 2 | 6/5 - 10/5/2024 | 2 |
| 11 | Tổng 10 chủ đề | | | 35 Tuần | 6/9/2023 - 10/5/2024 | |

1. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN - ĐỘ TUỔI 3 - 4 TUỔI

| STT | Tên chủ đề | Chủ đề nhánh | Các sự kiện | Số tuần | Thời gian thực hiện | TT tuần |
|-----|-----------------------|-------------------------------|-------------------|---------|---------------------|---------|
| 1 | TRƯỜNG MẦM NON | Nhánh 1: Lớp mẫu giáo của bé | Khai giảng | 1 | 6/9 - 9/9/2023 | 1 |
| | | Nhánh 2: Đồ dùng, đồ chơi của | Tết trung | 1 | 11/9-16/9/2023 | 2 |

| | | | | | | |
|----------|--------------------|---|-------------------------------------|----------|-------------------|----------|
| | | bé | thu | | | |
| | | Nhánh 3: Trường mẫu giáo của bé | | 1 | 18/9 - 22/9/2023 | 3 |
| | | Nhánh 4: Bé vui tết trung thu | | 1 | 25/9 - 29/9/2023 | 4 |
| 2 | BẢN THÂN | Nhánh 1: Tôi là ai | Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10 | 1 | 2/10 - 6/10/2023 | 1 |
| | | Nhánh 2: Cơ thể tôi | | 1 | 9 - 13/10/2023 | 2 |
| | | Nhánh 3: Giác quan của tôi | | 1 | 16 - 20/10/2023 | 3 |
| | | Nhánh 4: Tôi cần gì để lớn lên khỏe mạnh. | | 1 | 23 - 27/10/2023 | 4 |
| 3 | GIA ĐÌNH | Nhánh 1: Gia đình bé | Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 | 1 | 30/10 - 3/11/2023 | 1 |
| | | Nhánh 2: Ngôi nhà của bé | | 1 | 6 - 10 /11/2023 | 2 |
| | | Nhánh 3: Ngày nhà giáo VN | | 1 | 13 - 17/11/2022 | 3 |
| | | Nhánh 4: Nhu cầu của gia đình. | | 1 | 20 - 24/11/2023 | 4 |
| 4 | NGHỀ NGHIỆP | Nhánh 1: Nghề sản xuất | Ngày thành lập QĐNDVN 22/12 | 1 | 27/11 - 1/12/2023 | 1 |
| | | Nhánh 2: Nghề xây dựng | | 1 | 4 – 8/ 12/2023 | 2 |
| | | Nhánh 3: Nghề dịch vụ | | 1 | 11 - 15/ 12/2023 | 3 |
| | | Nhánh 4: Nghề | | 1 | 18 - 22/12/2023 | 4 |

| | | | | | | |
|---|---|---|------------------------|----------|---------------------|----------|
| | | giúp đỡ cộng đồng | | | | |
| 5 | THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT | Nhánh 1: Động vật sống trong gia đình | | 1 | 25/12 – 29/12/2023 | 1 |
| | | Nhánh 2: Động vật sống trong rừng | | 1 | 1/1/ - 5/1/2024 | 2 |
| | | Nhánh 3: Động vật sống dưới nước | | 1 | 8/1- 12/1/2024 | 3 |
| | | Nhánh 4: Côn trùng | | 1 | 15/1- 19/1/2024 | 4 |
| 6 | THẾ GIỚI THỰC VẬT | Nhánh 1: Một số loại hoa quả | Tết và Mùa xuân | 1 | 22/01 - 26/01/2024 | 1 |
| | | Nhánh 2: Một số loại rau, củ | | 1 | 29/01/ - 02/02/2024 | 2 |
| | | Nhánh 3: Tết và mùa xuân. | | 1 | 05/02- 16/02/2024 | 3 |
| | | Nhánh 4: Cây xanh và môi trường sống | | 1 | 19/2- 23/2/2024 | 4 |
| 7 | PHƯƠNG TIỆN VÀ MỘT SỐ LUẬT LỆ GIAO THÔNG | Nhánh 1: Một số PTGT đường bộ, đường sắt. | Ngày QTPN 8/3 | 1 | 26/2- 1/3/2024 | 1 |
| | | Nhánh 2: Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 | | 1 | 4 - 8/3/2024 | 2 |
| | | Nhánh 3: Một số | | 1 | 11/3- 15/3/2024 | 3 |

| | | | | | | |
|-----------|--|--|--|--------------------|---------------------------------|----------|
| | | PTGT đường Thủy, đường hàng không. | | | | |
| | | Nhánh 4: Một số luật lệ giao thông. | | 1 | 18/3 - 22/3/2024 | 4 |
| 8 | NƯỚC VÀ HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN | Nhánh 1: Một số hiện tượng tự nhiên. | | 1 | 25/3-29/3/2024 | 1 |
| | | Nhánh 2: Nước. | | 1 | 1/4 - 5/4/2024 | 2 |
| | | Nhánh 3: Mùa hè | | 1 | 8/4-12/4/2024 | 3 |
| 9 | QUÊ HƯƠNG - ĐẤT NƯỚC - BÁC HỒ - TẾT THIỆU NHI | Nhánh 1: Quê hương làng xóm | Mừng sinh nhật Bác 19/5 | 1 | 15/4- 19/4/2024 | 1 |
| | | Nhánh 2: Đất nước Việt Nam | | 1 | 22/4- 26/4/2024 | 2 |
| | | Nhánh 3: Bác Hồ kính yêu | Vui tết thiếu nhi 1/6 | 1 | 29/5-3/5/2024 | 3 |
| | | Nhánh 4: Tết thiếu nhi | | 1 | 6/5 - 10/5/2024 | 4 |
| 10 | Tổng 9 chủ đề | | | 35 Tuần | 6/9/2023 - 10/5/2024 | |

2. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN – MG 4 - 5 TUỔI

| STT | Tên chủ đề | Chủ đề nhánh | Các sự kiện | Số tuần | Thời gian thực hiện | TT tuần |
|----------|-------------------------------|-------------------------------------|--------------------------|------------|------------------------|------------|
| 1 | TRƯỜNG MẦM NON | Nhánh 1: Lốp mẫu giáo của bé | Khai giảng | 1 | 4/9 - 9/9/2023 | 1 |
| | | Nhánh 2: Đồ dùng, đồ chơi của bé | | 1 | 11/9-16/9/2023 | 2 |
| | | Nhánh 3: Trường mẫu giáo của bé | Tết trung thu | 1 | 18/9 - 22/9/2023 | 3 |

| | | | | | | |
|---|--------------------|---|-------------------------------------|---|--------------------|---|
| | | Nhánh 4: Bé vui tết trung thu | | 1 | 25/9 - 29/9/2023 | 4 |
| 2 | BẢN THÂN | Nhánh 1: Tôi là ai | Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10 | 1 | 2/10 - 6/10/2023 | 1 |
| | | Nhánh 2: Cơ thể tôi | | 1 | 9 - 13/10/2023 | 2 |
| | | Nhánh 3: Giác quan của tôi | | 1 | 16 - 20/10/2023 | 3 |
| | | Nhánh 4: Tôi cần gì để lớn lên khỏe mạnh. | | 1 | 23 - 27/10/2023 | 4 |
| 3 | GIA ĐÌNH | Nhánh 1: Gia đình bé | Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 | 1 | 30/10 - 3/11/2023 | 1 |
| | | Nhánh 2: Ngôi nhà của bé | | 1 | 6 - 10/11/2023 | 2 |
| | | Nhánh 3: Ngày nhà giáo VN | | 1 | 13 - 17/11/2022 | 3 |
| | | Nhánh 4: Nhu cầu của gia đình. | | 1 | 20 - 24/11/2023 | 4 |
| 4 | NGHỀ NGHIỆP | Nhánh 1: Nghề sản xuất | Ngày thành lập QĐNDVN 22/12 | 1 | 27/11 - 1/12/2023 | 1 |
| | | Nhánh 2: Nghề xây dựng | | 1 | 4 - 8/12/2023 | 2 |
| | | Nhánh 3: Nghề dịch vụ | | 1 | 11 - 15/12/2023 | 3 |
| | | Nhánh 4: Nghề giúp đỡ cộng đồng | | 1 | 18 - 22/12/2023 | 4 |
| 5 | THẾ GIỚI | Nhánh 1: Động vật sống trong gia đình | | 1 | 25/12 - 29/12/2023 | 1 |

| | | | | | | |
|----------|---|--|------------------------|----------|---------------------|----------|
| | ĐỘNG VẬT | Nhánh 2: Động vật sống trong rừng | | 1 | 1/1/ - 5/1/2024 | 2 |
| | | Nhánh 3: Động vật sống dưới nước | | 1 | 8/1- 12/1/2024 | 3 |
| | | Nhánh 4: Côn trùng | | 1 | 15/1- 19/1/2024 | 4 |
| 6 | THỂ GIỚI THỰC VẬT | Nhánh 1: Một số loại hoa quả | Tết và Mùa xuân | 1 | 22/01 - 26/01/2024 | 1 |
| | | Nhánh 2: Một số loại rau, củ | | 1 | 29/01/ - 02/02/2024 | 2 |
| | | Nhánh 3: Tết và mùa xuân. | | 1 | 05/02- 16/02/2024 | 3 |
| | | Nhánh 4: Cây xanh và môi trường sống | | 1 | 19/2- 23/2/2024 | 4 |
| 7 | PHƯƠNG TIỆN VÀ MỘT SỐ LUẬT LỆ GIAO THÔNG | Nhánh 1: Một số PTGT đường bộ, đường sắt. | Ngày QTPN 8/3 | 1 | 26/2- 1/3/2024 | 1 |
| | | Nhánh 2: Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 | | 1 | 4 - 8/3/2024 | 2 |
| | | Nhánh 3: Một số PTGT đường Thủy, đường hàng không. | | 1 | 11/3- 15/3/2024 | 3 |
| | | Nhánh 4: Một số luật lệ giao thông. | | 1 | 18/3 - 22/3/2024 | 4 |
| 8 | NƯỚC VÀ HIỆN | Nhánh 1: Một số hiện tượng tự | | 1 | 25/3-29/3/2024 | 1 |

| | | | | | | |
|-----------|--|-----------------------------|--------------------------------|----------------|-----------------------------|----------|
| | TƯỢNG TỰ NHIÊN | nhiên. | | | | |
| | | Nhánh 2: Nước. | | 1 | 1/4 - 5/4/2024 | 2 |
| | | Nhánh 3: Mùa hè | | 1 | 8/4-12/4/2024 | 3 |
| 9 | QUÊ HƯƠNG – ĐẤT NƯỚC – BÁC HỒ - TẾT THIẾU NHI | Nhánh 1: Quê hương làng xóm | Mừng sinh nhật Bác 19/5 | 1 | 15/4-19/4/2024 | 1 |
| | | Nhánh 2: Đất nước Việt Nam | | 1 | 22/4–26/4/2024 | 2 |
| | | Nhánh 3: Bác Hồ kính yêu | Vui tết thiếu nhi 1/6 | 1 | 29/5-3/5/2024 | 3 |
| | | Nhánh 4: Tết thiếu nhi | | 1 | 6/5 - 10/5/2024 | 4 |
| 10 | Tổng 9 chủ đề | | | 35 Tuần | 6/9/2023 - 10/5/2024 | |

3. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN KHỐI MG 5 – 6 TUỔI

| STT | Tên chủ đề | Chủ đề nhánh | Các sự kiện | Số tuần | Thời gian thực hiện | TT tuần |
|----------|-----------------------|----------------------------------|---------------------------------|----------|---------------------|----------|
| 1 | TRƯỜNG MẦM NON | Nhánh 1: Lớp mẫu giáo của bé | Khai giảng Tết trung thu | 1 | 4/9 - 9/9/2023 | 1 |
| | | Nhánh 2: Đồ dùng, đồ chơi của bé | | 1 | 11/9-16/9/2023 | 2 |
| | | Nhánh 3: Trường mẫu giáo của bé | | 1 | 18/9 - 22/9/2023 | 3 |
| | | Nhánh 4: Bé vui tết trung thu | | 1 | 25/9 - 29/9/2023 | 4 |
| 2 | BẢN THÂN | Nhánh 1: Tôi là ai | Ngày phụ | 1 | 2/10 - 6/10/2023 | 1 |
| | | Nhánh 2: Cơ thể | | 1 | 9 - 13/10/2023 | 2 |

| | | | | | | |
|----------|--------------------------|---|-------------------------------------|----------|-------------------|----------|
| | | tôi | nữ Việt Nam 20/10 | | | |
| | | Nhánh 3: Giác quan của tôi | | 1 | 16 - 20/10/2023 | 3 |
| | | Nhánh 4: Tôi cần gì để lớn lên khỏe mạnh. | | 1 | 23 - 27/10/2023 | 4 |
| 3 | GIA ĐÌNH | Nhánh 1: Gia đình bé | Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 | 1 | 30/10 - 3/11/2023 | 1 |
| | | Nhánh 2: Ngôi nhà của bé | | 1 | 6 - 10 /11/2023 | 2 |
| | | Nhánh 3: Ngày nhà giáo VN | | 1 | 13 - 17/11/2022 | 3 |
| | | Nhánh 4: Nhu cầu của gia đình. | | 1 | 20 - 24/11/2023 | 4 |
| 4 | NGHỀ NGHIỆP | Nhánh 1: Nghề sản xuất | Ngày thành lập QĐNDVN 22/12 | 1 | 27/11 - 1/12/2023 | 1 |
| | | Nhánh 2: Nghề xây dựng | | 1 | 4 - 8/ 12/2023 | 2 |
| | | Nhánh 3: Nghề giúp đỡ cộng đồng | | 1 | 11 - 15/ 12/2023 | 3 |
| | | Nhánh 4: Ngày thành lập QĐNDVN 22/12 | | 1 | 18 - 22/12/2023 | 4 |
| 5 | THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT | Nhánh 1: Động vật sống trong gia đình | | 1 | 25/12- 29/12/2023 | 1 |
| | | Nhánh 2: Động vật sống trong | | 1 | 1/1/ - 5/1/2024 | 2 |

| | | | | | | |
|---|---|--|------------------------|---|--------------------|---|
| | | rừng | | | | |
| | | Nhánh 3: Động vật sống dưới nước | | 1 | 8/1- 12/1/2024 | 3 |
| | | Nhánh 4: Côn trùng | | 1 | 15/1- 19/1/2024 | 4 |
| 6 | THỂ GIỚI THỰC VẬT | Nhánh 1: Một số loại hoa quả | Tết và Mùa xuân | 1 | 22/01 - 26/01/2024 | 1 |
| | | Nhánh 2: Một số loại rau, củ | | 1 | 29/01- 02/02/2024 | 2 |
| | | Nhánh 3: Tết và mùa xuân. | | 1 | 05/02- 16/02/2024 | 3 |
| | | Nhánh 4: Cây xanh và môi trường sống | | 1 | 19/2- 23/2/2024 | 4 |
| 7 | PHƯƠNG TIỆN VÀ MỘT SỐ LUẬT LỆ GIAO THÔNG | Nhánh 1: Một số PTGT đường bộ, đường sắt. | Ngày QTPN 8/3 | 1 | 26/2- 1/3/2024 | 1 |
| | | Nhánh 2: Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 | | 1 | 4 - 8/3/2024 | 2 |
| | | Nhánh 3: Một số PTGT đường Thủy, đường hàng không. | | 1 | 11/3- 15/3/2024 | 3 |
| | | Nhánh 4: Một số luật lệ giao thông. | | 1 | 18/3 - 22/3/2024 | 4 |

| | | | | | | |
|-----------|--|--------------------------------------|--------------------------------|----------------|-----------------------------|----------|
| 8 | NƯỚC VÀ HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN | Nhánh 1: Một số hiện tượng tự nhiên. | | 1 | 25/3-29/3/2024 | 1 |
| | | Nhánh 2: Nước. | | 1 | 1/4 - 5/4/2024 | 2 |
| | | Nhánh 3: Mùa hè | | 1 | 8/4-12/4/2024 | 3 |
| 9 | QUÊ HƯƠNG – ĐẤT NƯỚC – BÁC HỒ - TẾT THIẾU NHI | Nhánh 1: Quê hương làng xóm | Mừng sinh nhật Bác 19/5 | 1 | 15/4- 19/4/2024 | 1 |
| | | Nhánh 2: Đất nước Việt Nam | | 1 | 22/4 – 26/4/2024 | 2 |
| | | Nhánh 3: Bác Hồ kính yêu | Vui tết thiếu nhi 1/6 | 1 | 29/5-3/5/2024 | 3 |
| | | Nhánh 4: Tết thiếu nhi | | 1 | 6/5 - 10/5/2024 | 4 |
| 10 | Tổng 9 chủ đề | | | 35 Tuần | 6/9/2023 - 10/5/2024 | |

V. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Công tác quản lý chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể: Đánh giá điều kiện thực tiễn, mục đích cần đạt và đề ra các biện pháp cụ thể giao trách nhiệm phân công cụ thể cho giáo viên thực hiện về nội dung, thời gian hoàn thành.

- Phát huy vai trò đặc điểm từng mặt, lĩnh vực của các khối, lớp. Phát huy kinh nghiệm của đội ngũ lớn tuổi và sự năng động sáng tạo của đội ngũ trẻ. Bố trí sắp xếp lớp cho giáo viên có khả năng khác nhau trong chuyên môn để hỗ trợ và giúp đỡ nhau cùng nâng cao tay nghề... kiên quyết không để tạo sức ì trong đội ngũ. Nâng cao khả năng tự lực của giáo viên, tránh bắt tay chỉ việc.

- Giám sát chặt chẽ giáo viên thực hiện chế độ sinh hoạt: Thực hiện đầy đủ, đúng giờ các hoạt động trong ngày của trẻ thông qua quản lý lịch báo giảng, thăm lớp.

- Thường xuyên phát động, tổ chức, tham gia các phong trào thi đua giờ dạy tốt, làm đồ dùng dạy học, SK, hội giảng, chuyên đề để hỗ trợ tốt cho công tác giảng dạy và bồi dưỡng cho giáo viên: Trên cơ sở lựa chọn nội dung giảng dạy, giáo viên linh hoạt trong việc sử dụng phương pháp tổ chức các hoạt động trong từng lĩnh vực: Phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ, tạo cơ hội giúp trẻ được quan sát trải nghiệm, khám phá theo nhiều cách khác nhau tạo tiền đề tốt để xây dựng các tiết chuyên đề cấp cụm và huyện.

- Không dạy trước chương trình lớp 1 cho trẻ, đảm bảo chuẩn bị tốt các kỹ năng cần thiết cho trẻ 5 tuổi vào lớp 1.

- Đánh giá đúng năng lực của giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp.

2. Công tác bồi dưỡng giáo viên.

a. Tăng cường bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng sư phạm.

- Cung cấp tài liệu cho giáo viên về chương trình GDMN; Bồi dưỡng thường xuyên; Điều lệ trường mầm non; VBHN số 01/2021 của Bộ GD&ĐT; Quy chế cô nuôi dạy trẻ...

- Phân công giáo viên tham dự các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức; Tổ chức các lớp học nghiệp vụ cho 100% giáo viên; Khuyến khích giáo viên tham gia học BDTX, nâng cao tinh thần tự học, tự rèn.

- Bồi dưỡng và kiểm tra chặt chẽ việc xây dựng và điều chỉnh kế hoạch giáo dục của khối lớp: Mục tiêu yêu cầu phù hợp với độ tuổi, khả năng phát triển của trẻ, lựa chọn các hoạt động mới lạ phát huy khả năng tích cực, trải nghiệm cho trẻ. Yêu cầu hồ sơ, giáo án đầy đủ, không chồng chéo, ôm đồm, chú ý tới mục tiêu, yêu cầu đã đề ra đảm bảo về kiến thức, kỹ năng thái độ chú ý về rèn kỹ năng cho trẻ phù hợp với điều kiện trường lớp, số học sinh và thời gian tổ chức hoạt động.

- Thực hiện có chất lượng chương trình GDMN.

- Hướng dẫn giáo viên khai thác nội dung giáo dục tích hợp trong quá trình giáo dục cho trẻ: Giáo dục an toàn giao thông, giáo dục bảo vệ môi trường, tài nguyên, hải đảo; Giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả, biến đổi khí hậu vào chủ đề một cách nhẹ nhàng, hợp lý phù hợp với trẻ mầm non. Khi tích hợp theo chủ đề, tích hợp theo ngày cần có sự liên kết chặt chẽ giữa các hoạt động giáo dục. Trong quá

trình giảng dạy yêu cầu giáo viên đặc biệt coi trọng việc hình thành kỹ năng sống cho trẻ thông qua các hoạt động hàng ngày: Rèn kỹ năng tự phục vụ, nề nếp sinh hoạt thói quen vệ sinh, tự lập, biết quan tâm đến mọi người, mạnh dạn trong giao tiếp, thân thiện với bạn, lễ phép với người lớn...

- Nâng cao chất lượng một số góc giáo viên tổ chức còn nghèo nàn, chưa lôi kéo trẻ vào hoạt động: Góc thiên nhiên, góc sách truyện... Tiếp tục đổi mới phương pháp, hình thức nêu gương.

- Thực hiện đánh giá trẻ: Xây dựng kế hoạch, dự kiến đưa mục tiêu đánh giá trẻ mẫu giáo vào các chủ đề trong năm học. Thực hiện rèn luyện kỹ năng quan sát, ghi chép, đánh giá trẻ kịp thời, khách quan, từ đó điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với sự phát triển của trẻ, phù hợp với bối cảnh địa phương và tình hình dịch Covid-19. Thực hiện lưu trữ minh chứng trong quá trình đánh giá vào hồ sơ cá nhân trẻ. Làm tốt công tác huy động trẻ ra lớp, trẻ đi học chuyên cần để đảm bảo chỉ tiêu phổ cập.

- Giáo viên thực hiện tốt: Bức tường mở, đảm bảo: Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2; tạo môi trường Xanh – sạch – đẹp – an toàn – thân thiện – gần gũi – sáng tạo đảm bảo tính sư phạm theo hướng mở.

b. Tổ chức, tham gia chuyên đề

- Lựa chọn giáo viên có hoạt động hay, sáng tạo để tham gia chuyên đề cấp cụm, huyện, tỉnh.

- Sau khi dự chuyên đề các cấp tổ chức, nhà trường bồi dưỡng phương pháp, tổ chức điểm, góp ý, thống nhất sau đó triển khai trong toàn trường, kiểm tra chuyên đề, rút kinh nghiệm.

- Tiếp tục thực hiện chuyên đề: Tăng cường phát triển vận động cho trẻ.

- Ngoài việc tham gia, tổ chức chuyên đề do chỉ đạo của Phòng GDĐT, nhà trường dự kiến tổ chức chuyên đề “đón, trả trẻ”.

c. Tổ chức hội thi, phong trào

- Tổ chức hội giảng cấp trường.

+ Thời gian: bắt đầu từ 15/10/2023 đến 31/10/2023

+ Nội dung: thi lý thuyết, thi thực hành

- Tổ chức thi giáo viên giỏi

+ Thời gian: ngày 2/11/2023

+ Nội dung: thi lý thuyết, thi thực hành

3. Tạo môi trường giáo dục sinh động, hấp dẫn; tăng cường đồ dùng đồ chơi; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ.

- Phát động phong trào thi đua cho giáo viên toàn trường tạo môi trường, cảnh quan trong và ngoài lớp, kích thích trẻ tham gia hoạt động.

- Vận động phụ huynh học sinh trang bị cơ sở vật chất cũng như học liệu cần thiết cho trẻ. Khuyến khích giáo viên phối hợp với phụ huynh và trẻ làm đồ dùng đồ chơi sáng tạo.

- Thường xuyên thay đổi góc chơi, đồ dùng ở các góc... trong các nhóm, lớp.

- Khai thác và sử dụng hiệu quả đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị phục vụ quá trình giáo dục trẻ.

- Tập trung đổi mới hình thức, phương pháp giáo dục theo quan điểm Lấy trẻ làm trung tâm:

+ Tăng cường phương pháp dạy học tích cực, giáo viên gần gũi cùng tham gia với trẻ, biết khai thác, tận dụng các cơ hội, tình huống thực tế, những thứ có sẵn trong môi trường lớp học và thiên nhiên để dạy cho trẻ, học theo nhu cầu khả năng, không gò bó, ép buộc trẻ.

+ Tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm, khám phá, kích thích trẻ suy nghĩ thông qua hệ thống câu hỏi gợi mở. Khuyến khích trẻ chia sẻ ý kiến và đặt câu hỏi cho cô và bạn.

+ Coi trọng quá trình trẻ làm ra sản phẩm. Việc cho trẻ tạo ra sản phẩm để trẻ được tự làm tránh sự can thiệp nhiều của giáo viên vào sản phẩm của trẻ.

+ Phối hợp các hình thức tổ chức trong giáo dục trẻ, tạo cho trẻ mạnh dạn trong giao tiếp, thân thiện với bạn bè, tích cực trong các hoạt động vui chơi, học tập.

+ Phối hợp cùng với giáo viên lớp có trẻ khuyết tật học hòa nhập lập hồ sơ, xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân, theo dõi kiểm tra, đánh giá điều chỉnh kế hoạch.

4. Tổ chức ngày hội, ngày lễ, tham quan cho trẻ.

- Tổ chức các ngày lễ, ngày hội trong năm, đảm bảo 100% các cháu được tham gia các hoạt động lễ hội như: lễ hội mừng xuân, lễ hội văn hoá dân gian, tết hàn thực, ngày hội đọc sách....

- Nhà trường phối hợp với phụ huynh tổ chức cho trẻ 4-5 tuổi, 5-6 tuổi tham quan trường Tiểu học và một số danh lam thắng cảnh tại địa phương và địa phương lân cận. Thời gian: Từ tháng 4-5/2023

- Tổ chức hội thao: thể dục đồng diễn; trò chơi vận động liên hoàn

+ Đối tượng: Trẻ mẫu giáo

5. Công tác tuyên truyền, phối hợp.

- Tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ. Chủ động phối hợp với gia đình trẻ để thực hiện mục tiêu giáo dục trẻ em.

- Kết hợp phụ huynh trong việc rèn các kỹ năng sống cho trẻ ở trường và ở nhà. Huy động trẻ ra lớp tốt đảm bảo tỷ lệ chuyên cần, đặc biệt trẻ 5 tuổi đạt trên 100% theo quy định phổ cập giáo dục.

- Thường xuyên phối hợp với các tổ chức trong và ngoài nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Phần IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn

- Xây dựng kế hoạch cụ thể từng chủ đề và thời gian thực hiện theo các độ tuổi.

- Phối hợp với tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán lựa chọn các mục tiêu, nội dung cụ thể từng chủ đề phù hợp với các độ tuổi để xây dựng mục tiêu nội dung từng chủ đề theo kế hoạch.

- Kiểm tra đôn đốc Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo các độ tuổi được phân công phụ trách.

2. Trách nhiệm của Tổ chuyên môn

- Xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ, cụ thể các chủ đề, phù hợp đúng theo các độ tuổi.

- Kiểm tra đôn đốc giáo viên tổ mình việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục độ tuổi theo qui định.

3. Trách nhiệm của giáo viên

- Giáo viên căn cứ vào kế hoạch giáo dục năm học 2023 - 2024 của tổ.

- Căn cứ vào điều kiện nhóm lớp, căn cứ vào nhận thức và phát triển chương trình của trẻ để xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp độ tuổi, điều kiện thực tế của lớp.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2023 - 2024 của trường mầm non Vũ Xá. Yêu cầu các đồng chí Phó hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên các nhóm lớp triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần điều chỉnh để phù hợp với nhận thức của trẻ, điều kiện thực tế của lớp thì có ý kiến bằng văn bản về tổ chuyên môn để được điều chỉnh cho phù hợp, kịp thời./

HIỆU TRƯỞNG PHÊ DUYỆT



Trương Thị Thanh Mai

TM NHÀ TRƯỜNG

P.HIỆU TRƯỞNG

Dương Thị Bích Hiền